

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1556 /QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2021-2025
Trường Đại học Công nghệ thông tin**

ĐẾN

Số: 734

Ngày: 20.12.2021

Chuyển:

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Công nghệ thông tin kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trường Đại học Công nghệ thông tin có trách nhiệm ban hành và triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2021-2025 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, phấn đấu đạt được các mục tiêu của Kế hoạch Chiến lược.

Điều 3. Trường Đại học Công nghệ thông tin tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hằng năm theo các mục tiêu của Kế hoạch Chiến lược.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Phó Giám đốc Nguyễn Minh Tâm;
- Các Ban chức năng ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Vũ Hải Quân

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
GIẢI ĐOẠN 2021-2025
TẦM NHÌN 2030

(Phiên bản 3.0)

TP. Hồ Chí Minh

Tháng 10/2021

MỤC LỤC

I.	Phần mở đầu	8
I.1.	Cơ sở pháp lý	8
I.2.	Cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược Trường ĐH CNTT giai đoạn 2021 -2025	9
I.3.	Cấu trúc của bản Kế hoạch - Chiến lược	9
II.	Sứ mạng, Tầm nhìn và hệ thống các giá trị cốt lõi	10
II.1.	Tầm nhìn đến năm 2030	10
II.2.	Sứ mạng	10
II.3.	Hệ thống các giá trị cốt lõi của Trường ĐH CNTT	10
III.	Phân tích bối cảnh trong và ngoài nước	10
III.1.	Quốc tế và khu vực:	11
III.2.	Trong nước:	12
IV.	Phân tích hiện trạng	13
IV.1.	Kết quả triển khai KHCL Trường ĐH CNTT giai đoạn 2016-2020	14
IV.1.1.	Nhóm chiến lược 1: Đào tạo	14
a.	Mục tiêu chung	14
b.	Mục tiêu cụ thể	14
c.	Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu	14
IV.1.2.	Nhóm chiến lược 2: Khoa học- Công nghệ	16
a.	Mục tiêu chung	16
b.	Mục tiêu cụ thể	17
c.	Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu	17

IV.1.3.	Nhóm chiến lược 3: Quan hệ đối ngoại	18
a.	Mục tiêu chung	18
b.	Mục tiêu cụ thể	18
c.	Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu	19
IV.1.4.	Nhóm chiến lược 4: Tổ chức và quản trị	19
a.	Mục tiêu chung	19
b.	Mục tiêu cụ thể	19
c.	Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu	19
IV.1.5.	Nhóm chiến lược 5: Nguồn lực cho sự phát triển	20
a.	Mục tiêu chung	20
b.	Mục tiêu cụ thể	20
c.	Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu	20
IV.2.	Kết luận chung về quá trình thực hiện KHCL giai đoạn 2016-2020	21
a.	Nhận xét chung	21
b.	Những điểm mạnh	21
c.	Những điểm yếu	21
d.	Nguyên nhân	22
V.	Phân tích điểm mạnh - điểm yếu; cơ hội - thách thức và mục tiêu trọng tâm của Trường trong giai đoạn 2021-2025	26
V.1.	Điểm mạnh	27
V.2.	Điểm yếu	27
V.3.	Cơ hội	28
V.4.	Thách thức	28
V.5.	Mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2021-2025	28

VI.	Các chiến lược, giải pháp và chương trình	29
VI.1.	Nhóm chiến lược 1: Nâng cao chất lượng đào tạo	29
a.	Mục tiêu chung	29
b.	Mục tiêu cụ thể	30
VI.2.	Nhóm chiến lược 2: Phát triển Khoa học - Công nghệ	31
a.	Mục tiêu chung	31
b.	Mục tiêu cụ thể	32
VI.3.	Nhóm chiến lược 3: Gia tăng hiệu quả quản trị đại học	32
a.	Mục tiêu chung	32
b.	Mục tiêu cụ thể	33
VI.4.	Nhóm chiến lược 4: Tăng cường nguồn lực	34
a.	Mục tiêu chung	34
b.	Mục tiêu cụ thể	34
VII.	Điều kiện thực hiện: Nhân sự, kinh phí, CSVC	35
VII.1.	Nhân sự	36
VII.2.	Kinh phí	37
VII.3.	Cơ sở vật chất	38
VIII.	Biện pháp triển khai	38
IX.	Phân tích, đánh giá rủi ro và tính khả thi	39
IX.1.	Phân tích đánh giá rủi ro	39
IX.2.	Phân tích tính khả thi	40
PHỤ LỤC 1:	HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHÍNH	43
PHỤ LỤC 2:	DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	44
PHỤ LỤC 3:	KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	45

NHÓM CHIẾN LƯỢC 1: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	45
MỤC TIÊU CHUNG	45
MỤC TIÊU CỤ THỂ	45
NHÓM CHIẾN LƯỢC 2: PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ	53
MỤC TIÊU CHUNG:	53
MỤC TIÊU CỤ THỂ	53
NHÓM CHIẾN LƯỢC 3: GIA TĂNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC	57
MỤC TIÊU CHUNG:	57
MỤC TIÊU CỤ THỂ	57
NHÓM CHIẾN LƯỢC 4: TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC	61
MỤC TIÊU CHUNG:	61
MỤC TIÊU CỤ THỂ	61
PHỤ LỤC 4: DỰ TRÙ TÀI CHÍNH KHCL 2021-2025	70

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
ATTT	An toàn Thông tin
BCTĐG	Báo cáo tự đánh giá
CBGD	Cán bộ giảng dạy
CBQL	Cán bộ quản lý
CGCN	Chuyên gia công nghệ
CLC	Chất lượng cao
CNTT	Công nghệ Thông tin
CNTT-TT	Công nghệ Thông tin- Truyền thông
CPC	Campuchia
CQ	Chính quy
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giảng dạy
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐH	Đại học
GS, PGS, TS	Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ
HTTT	Hệ thống Thông tin
HTTV	Hệ thống thư viện
HVCH	Học viên cao học
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCN	Khoa học Công nghệ
KHMT	Khoa học Máy tính
KTMT	Kỹ thuật Máy tính

Chữ viết tắt	Nội dung
KTPM	Kỹ thuật Phần mềm
LKQT	Liên kết quốc tế
MMT-TT	Mạng máy tính- Truyền thông
NC	Nghiên cứu
NCS	Nghiên cứu sinh
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NXB	Nhà xuất bản
OLP	Olympic
PTN	Phòng thí nghiệm
QHĐN	Quan hệ Đối ngoại
SĐH	Sau đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SV TN	Sinh viên tốt nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCTC	Tự chủ tài chính
TT-PC & ĐBCL	Thanh tra-Pháp chế & Đảm bảo chất lượng
UIT	Trường Đại học CNTT
NQ ĐH 13	Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 13

I. Phần mở đầu

I.1. Cơ sở pháp lý

Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 được xây dựng dựa trên các cơ sở pháp lý sau:

1. Luật Sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
2. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019;
3. Nghị định 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;
4. Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động ĐHQG và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;
5. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
6. Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược Quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;
7. Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 của Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số của TP. Hồ Chí Minh.
8. Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của Chủ tịch UBND TP.HCM về việc phê duyệt Chương trình “Nghiên cứu và phát triển Trí tuệ nhân tạo tại TP.HCM giai đoạn 2020-2030”
9. Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/08/2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của các Trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM.
10. Quyết định 115/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc Ban hành kế hoạch chiến lược ĐHQG-HCM giai đoạn 2021-2025.
11. Công văn số 510/ĐHQG-KHTC ngày 06/4/2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM về Kế

hoạch tổ chức thực hiện chiến lược ĐHQG TP.HCM giai đoạn 2021-2025.

12. Quyết định số 13/QĐ-HĐĐHQG ngày 14/08/2020 của Hội đồng ĐHQG-HCM phê duyệt đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH CNTT.

13. Nghị quyết Đảng bộ ĐHQG-HCM nhiệm kỳ 2020-2025;

14. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐH CNTT nhiệm kỳ 2020-2025.

I.2. Cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược Trường ĐH CNTT giai đoạn 2021 - 2025

Bên cạnh các cơ sở pháp lý nêu trên, kế hoạch chiến lược Trường ĐH CNTT giai đoạn 2021-2025 được xây dựng dựa trên cách tiếp cận phối hợp:

- Top-down: Dựa trên **Tầm nhìn đến năm 2030, Sứ mạng, Mục tiêu** của Nhà trường để xác định các mục tiêu mà Trường ĐH CNTT mong muốn đạt tới đến năm 2025.
- Bottom-up: Dựa trên **Phân tích Điểm mạnh-Điểm yếu; Cơ hội - Thách thức** của Nhà trường để xác định những chiến lược, bước đi mà Trường nên hướng tới ứng với nguồn lực mà Trường đang có.

I.3. Cấu trúc của bản Kế hoạch - Chiến lược

Phần còn lại của bản Kế hoạch - Chiến lược này được trình bày như sau:

- Phần II: Trình bày các phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Trường.
- Phần III: Trình bày các phân tích về bối cảnh trong và ngoài nước.
- Phần IV: Phân tích hiện trạng của Trường ĐH CNTT sau khi thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020.
- Phần V: Phân tích những điểm mạnh - điểm yếu của Nhà trường, cơ hội - thách thức đối với Trường và các mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2021-2025.
- Phần VI: Trình bày những nhóm chiến lược và các giải pháp/chương trình hành động giai đoạn 2021-2025.
- Phần VII: Trình bày về các điều kiện thực hiện: Nhân sự, cơ sở vật chất và kinh phí
- Phần VIII: Trình bày về các biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tại Trường.
- Phần IX trình bày các phân tích, đánh giá rủi ro khi triển khai kế hoạch chiến lược.
- Cuối cùng là phần Phụ lục, trình bày hệ thống chỉ tiêu kế hoạch chiến lược 2021-2025, danh

mục các đề án, kế hoạch hành động (logframe) và tổng hợp kinh phí.

II. Sứ mạng, Tầm nhìn và hệ thống các giá trị cốt lõi

II.1. Tầm nhìn đến năm 2030

Trường ĐH CNTT trở thành trường đại học uy tín về CNTT-TT và các lĩnh vực liên quan trong khu vực Châu Á.

II.2. Sứ mạng

- Trường ĐH CNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng.
- Trường là một trung tâm hàng đầu về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về CNTT-TT và các lĩnh vực liên quan.

II.3. Hệ thống các giá trị cốt lõi của Trường ĐH CNTT

1. Tri thức tổng thể (Inclusiveness and Diversity): *Hỗ trợ người học phát triển không chỉ kiến thức mà cả các kỹ năng, thái độ và năng lực thực hành xã hội.*
2. Tiến về phía trước (Moving forward): *Nâng cao liên tục chất lượng để thích nghi và luôn tiến về phía trước.*
3. Tự do học thuật (Academic freedom): *Coi trọng khả năng độc lập trong học thuật, sáng tạo nghiên cứu và phát triển tiềm năng tổng thể của các cá nhân để họ đạt được mục tiêu của mình.*
4. Phục vụ cộng đồng (Responsibility): *Định hướng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học cho phục vụ cộng đồng, phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước và phục vụ nhân loại.*
5. Chuyên nghiệp (Professionalism): *Thiết lập hệ thống quản trị, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.*

III. Phân tích bối cảnh trong và ngoài nước

III.1. Quốc tế và khu vực:

1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan (NQ ĐH 13). Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng: các cộng đồng quốc tế đã hình thành như Cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC); Cộng đồng ASEAN (ASEAN Community),... đã tạo áp lực cho giáo dục đại học: Để tồn tại và phát triển, giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng ở các nước đang đối mặt với yêu cầu cần phải nâng cao chất lượng, hợp lý chương trình để đáp ứng yêu cầu mới của nguồn nhân lực nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia trong quá trình hội nhập.
2. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc (NQ ĐH 13). Quá trình chuyển đổi số trong các tổ chức, doanh nghiệp ở cả khu vực nhà nước và kinh tế tư nhân đã hình thành và trở thành yếu tố sống còn. Nhân sự được đào tạo phải có năng lực làm việc, thích ứng với môi trường mà thông minh nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật... đóng vai trò quan trọng. Vai trò của kinh tế tri thức tiếp tục chứng tỏ tầm quan trọng. Thương mại điện tử đã là một kênh ưu việt trong việc đưa hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng, thực tế đã chứng minh sự phát triển mạnh mẽ của Amazon, Alibaba, ...
3. Xu thế đô thị hóa và phát triển đô thị thông minh ngày càng gia tăng. Sự cạnh tranh giữa các nước trong việc trở thành trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mekong, đặt ra nhiều thách thức chưa từng có cho phát triển bền vững
4. Dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu đã làm thay đổi nhận thức của toàn thế giới, trong đó có Việt nam. Tình trạng đình trệ và đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm kinh tế toàn cầu sụt giảm. Du lịch và các ngành dịch vụ đi kèm như hàng không, khách sạn, nghỉ dưỡng, ... gần như bị đóng băng. Nhu cầu xuất nhập khẩu, vốn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế, bị giảm rõ rệt và gây ra tình trạng thất

nghiệp rộng khắp. Các phương tiện cho phép cung cấp dịch vụ công việc từ xa, không dùng tiền mặt lại phát huy hiệu quả và có xu hướng thay thế các phương tiện truyền thống.

5. Xu hướng trong học tập đã có những thay đổi đáng kể. Các nguồn tài liệu học tập vô cùng phong phú trên không gian mạng, vừa là yếu tố tích cực trong việc cung cấp tri thức cho người học, nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ tri thức sai lệch.

III.2. Trong nước:

1. Việt nam vừa trải qua Đại hội Đảng lần thứ 13. Đất nước bước vào một chu kỳ mới thực hiện nghị quyết ĐH Đảng 13 với một cơ cấu nhân sự mới.
2. Sau gần 35 năm đổi mới, Việt nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển; chính trị - xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh, quốc phòng, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực. Việt Nam đang hội nhập mạnh mẽ vào các hoạt động khoa học-kỹ thuật, kinh tế, văn hóa và chính trị của thế giới, từng bước tiến tới chiếm lĩnh và phát triển các ngành công nghệ cao. Tầng lớp trung lưu tăng nhanh; tiếp tục tận dụng cơ hội dân số vàng; đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện. Mặc dù có những bước tăng trưởng đáng kể, nền kinh tế nước ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế, và tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ tụt hậu còn lớn; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực... để đưa Việt nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại còn thấp so với yêu cầu; độ mở của nền kinh tế cao, khả năng chống chịu, thích ứng với các tác động bên ngoài còn yếu; năng lực tiếp cận nền kinh tế số, xã hội số còn nhiều hạn chế. Tăng trưởng GDP có xu hướng chững lại, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn còn là thách thức lớn. Mục tiêu xây dựng đất nước trở thành một nước công nghiệp còn nhiều thách thức.
3. Nghị quyết ĐH 13 đã xác định định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2030 “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các đời sống

xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”.

4. Giáo dục đại học Việt Nam bước đầu đang được tổ chức lại theo xu hướng chung của giáo dục đại học thế giới, các đại học sẽ được phân tầng thành các đại học định hướng nghiên cứu, các đại học định hướng ứng dụng và các đại học định hướng thực hành (Nghị định 73/2015/NĐ-CP). Tự chủ đại học đang được quan tâm và dần được hình thành, tạo điều kiện để các đại học chủ động hơn trong đào tạo, NCKH. Đặc biệt là những đổi mới trong cơ chế quản lý tài chính tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH (Nghị quyết 77/NQ-CP năm 2014 và Nghị định 16/2015/NĐ-CP).
5. Sự phát triển năng động của các trường đại học công lập và ngoài công lập trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam tạo nên môi trường cạnh tranh không chỉ về cung cấp dịch vụ đào tạo và dịch vụ khoa học công nghệ mà còn cạnh tranh trong việc thu hút nguồn nhân lực giữa các trường đại học với nhau nhằm cung cấp dịch vụ đào tạo tốt hơn cho người học.
6. Đại học ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng và địa phương giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình phát triển bền vững địa phương và đất nước.
7. Vị thế của Việt Nam trên thế giới được nâng cao đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hội nhập và hợp tác của giáo dục đại học.

IV. Phân tích hiện trạng

Trường ĐH CNTT, trải qua mười lăm năm hình thành và phát triển, với hai lần thực hiện kế hoạch chiến lược (KHCL giai đoạn 2011-2015; giai đoạn 2016-2020) đã đóng góp và việc thực hiện kế hoạch chiến lược chung của ĐHQG-HCM và tạo ra những kết quả rất có ý nghĩa. Công tác đào tạo của Trường ngày một ổn định, có chất lượng tốt: đầu vào của Trường với điểm chuẩn tuyển sinh luôn nằm ở tốp điểm cao, và sinh viên tốt nghiệp của Trường được xã hội và các nhà tuyển dụng chào đón. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Trường ngày một khang trang; chất lượng đội ngũ giảng viên của Trường không ngừng gia tăng cùng với đời sống CBGV-NLĐ ngày một cải thiện.

Quá trình thực hiện KHCL Trường ĐH CNTT giai đoạn 2016-2020 đã gặt hái được một

số kết quả:

IV.1. Kết quả triển khai KHCL Trường ĐH CNTT giai đoạn 2016-2020

IV.1.1. Nhóm chiến lược 1: Đào tạo

a. Mục tiêu chung

- Nâng cao chất lượng đào tạo đạt trình độ quốc tế.

b. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn chỉnh hệ thống chương trình đào tạo đại học theo định hướng tiên tiến trên thế giới.
- Nâng cao chất lượng tổ chức đào tạo đại học.
- Hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng và mở rộng đào tạo sau đại học.
- Nâng cao chất lượng công tác sinh viên.
- Hệ thống Đảm bảo chất lượng vận hành hiệu quả.

c. Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu

- Về mục tiêu: *Hoàn chỉnh hệ thống chương trình đào tạo đại học theo định hướng tiên tiến trên thế giới.*
 - o Trong 5 năm qua, Trường đã liên tục chỉ đạo các đơn vị đào tạo thực hiện các công tác xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, tiên tiến, rút ngắn thời gian đào tạo từ 4-4,5 năm xuống còn 3,5 - 4 năm. Trường cũng mở mới một số chương trình đào tạo như Thương mại điện tử, Khoa học dữ liệu, chương trình liên kết quốc tế với Đại học Birmingham City ngành Khoa học Máy tính; Mạng máy tính và An toàn thông tin; chương trình Chất lượng cao ngành Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, An toàn thông tin, Công nghệ thông tin định hướng Nhật Bản.
 - o Ngoài ra, Trường đã xây dựng và cập nhật các quy định về quản lý đào tạo đại học để đảm bảo triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo tại trường.
 - o Tuy nhiên, cũng có một số kế hoạch dự kiến nhưng chưa thực hiện được hoặc mới bước đầu thực hiện, do thiếu nhân lực thực hiện như: xây dựng đề án mở ngành Công nghệ thông tin cho Y tế, hoặc chương trình liên kết quốc tế ngành Kỹ thuật máy tính, ...

- Về đào tạo trực tuyến: Trường đã thành lập nhóm nghiên cứu xây dựng đề án đào tạo trực tuyến. Căn cứ kết quả nghiên cứu và tình hình thực tế, Trường quyết định triển khai đề án này lồng ghép với Đề án Giáo dục 4.0 của ĐHQG-HCM. Do sự thay đổi quá nhanh của các nền tảng truyền thông, sự đa dạng và phong phú của các nguồn dữ liệu trên Internet, mô hình đào tạo này cần tiếp tục được nghiên cứu, khai thác trong giai đoạn tới.
- Đánh giá chung: Sau 5 năm, các chương trình đào tạo của Trường tương đối đa dạng cả về nội dung lẫn hình thức triển khai, hiện đại, bám sát xu thế phát triển của thế giới, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.
- Về mục tiêu: *Nâng cao chất lượng tổ chức đào tạo đại học*
 - Bằng cách tận dụng các phương tiện CNTT, tận dụng học liệu số, nhiều lớp học đã giảm bớt số tiết dạy tại lớp, tăng cường thời gian tự học và làm bài tập cho sinh viên
 - Triển khai giảng dạy theo CDIO (chương trình của ĐHQG-HCM) đã chú trọng triển khai giảng dạy, đánh giá theo chuẩn đầu ra.
 - Tổ chức giảng dạy ngoại ngữ tiếng Nhật, bên cạnh ngoại ngữ truyền thống là tiếng Anh, cũng đã giúp cho sinh viên có nhiều cơ hội tham gia thị trường lao động Nhật bản.
 - Đánh giá chung: Trường đã ứng dụng những tiến bộ về công nghệ giáo dục, công nghệ thông tin để triển khai đào tạo hiệu quả hơn. Hướng tới việc tìm kiếm những cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.
- Về mục tiêu: *Hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng và mở rộng đào tạo sau đại học*
 - Trường đã mở thêm được 02 ngành đào tạo Thạc sĩ (ngành Hệ thống thông tin và ngành An toàn thông tin). Các chương trình đào tạo Thạc sĩ hiện có (Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin) được rà soát và cập nhật thường xuyên.
 - Công tác tuyển sinh sau đại học (SDH): Trường tiến hành đồng bộ các biện pháp quảng bá tuyển sinh, học bổng, chăm sóc các đối tượng học viên SDH tiềm năng từ khi đăng ký tuyển sinh, hỗ trợ các nghiên cứu sinh (NCS) trẻ hạn, nhờ đó số lượng hồ sơ tuyển sinh nộp vào Trường tương đối ổn định.
 - Đến thời điểm hiện tại, có 15 NCS tốt nghiệp.

- Đánh giá chung: Công tác đào tạo SDH trong 5 năm qua đã có nhiều tiến triển hơn, dù tình hình tuyển sinh vẫn còn gặp nhiều khó khăn do có sự cạnh tranh với các trường bạn. Số lượng NCS đăng ký còn rất khiêm tốn do các yêu cầu đầu vào về Anh văn và bài báo cáo.
- Về mục tiêu: *Nâng cao chất lượng công tác sinh viên*
 - Hằng năm tổ chức tư vấn tuyển sinh/ hướng nghiệp cho học sinh. Lượng sinh viên quan tâm nộp hồ sơ vào trường, chất lượng sinh viên ngày một tăng. Tuy nhiên các hoạt động tiếp cận và thu hút sinh viên quốc tế chưa được triển khai.
 - Trường tổ chức khá nhiều hoạt động hỗ trợ cho sinh viên, đặc biệt trong 2 năm gần đây, gồm thể dục thể thao, văn nghệ, tư vấn tâm lý, hỗ trợ học bổng, cố vấn học tập, giới thiệu việc làm, ... đã giúp đỡ, hỗ trợ, khích lệ và đồng hành với sinh viên rất nhiều. Sinh viên quan tâm đến các hoạt động của trường hơn, đặc biệt là các hoạt động tình nguyện.
 - Tuy nhiên, cũng còn một lượng đáng kể (ước tính khoảng 5% SV bỏ học) mỗi khóa cho thấy công tác hướng nghiệp, công tác chăm sóc sinh viên cũng cần tiếp tục được cải thiện.
 - Đánh giá chung: Công tác sinh viên ngày một khởi sắc hơn.
- Về mục tiêu: *Hệ thống Đảm bảo chất lượng vận hành hiệu quả*
 - Trường đã văn bản hóa các quy định, quy trình về đảm bảo chất lượng bên trong, quy trình tự đánh giá cấp CSGD, và quy trình tự đánh giá cấp CTĐT theo AUN-QA. Đồng thời, triển khai các kế hoạch rà soát, cải tiến, tự đánh giá, đánh giá và kiểm định tương đối đúng kế hoạch. Đánh giá đạt 04 chương trình đào tạo theo AUN-QA (HTTT, MMT-TT, KHMT, KTPM). Kiểm định đạt cấp CSGD theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GDĐT.
 - Đánh giá chung: Triển khai công việc tương đối đúng kế hoạch. Nhận thức về ĐBCL của CBVC-NLĐ tuy có cải thiện nhưng chưa đạt mức độ tự giác cao.

IV.1.2. Nhóm chiến lược 2: Khoa học- Công nghệ

a. Mục tiêu chung

- Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học trong đội ngũ CBGD, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Xác định các sản phẩm KHCN chủ lực. Tăng nguồn thu từ các hoạt động

NCKH và CGCN.

b. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao hiệu quả quản lý KHCN
- Tăng cường năng lực KHCN
- Khẳng định vị thế của nghiên cứu khoa học
- Tăng cường chuyển giao công nghệ

c. Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu

- Về mục tiêu: *Nâng cao hiệu quả quản lý KHCN*
 - o Trường đã rà soát và ban hành các quy định, quy trình về NCKH, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ theo hướng tinh giản các thủ tục hành chính và tạo sự thuận lợi cho các GV, SV tham gia hoạt động NCKH, nghiệm thu đề tài.
 - o Xây dựng triển khai các giải pháp tin học hỗ trợ quản lý KHCN.
 - o Đánh giá chung: Việc quản lý đảm bảo thuận tiện, chặt chẽ nhưng đơn giản.
- Về mục tiêu: *Tăng cường năng lực KHCN*
 - o Trường cố gắng tận dụng nguồn lực đầu tư từ ngân sách để xây dựng các phòng thí nghiệm cấp Trường (đã viết dự án các PTN Kỹ thuật máy tính, PTN Advanced Wireless và IoTs, ATTT cho ngân hàng). Tuy nhiên do sự hạn chế về kinh phí nên chỉ mới có PTN Kỹ thuật máy tính là được ĐHQG-HCM đồng ý về chủ trương và đã tiến hành thẩm định.
 - o Trường dự kiến đầu tư nâng cấp PTN đang có: PTN MMLAB thành PTN trọng điểm ĐHQG. Tuy nhiên do sự hạn chế về nhân lực nên đến nay vẫn chưa xây dựng được đề án nâng cấp.
 - o Trường cũng chủ trương xây dựng và đầu tư nhóm nghiên cứu mạnh. Hiện thời đã lập được danh sách các nhóm nghiên cứu và các nhóm sản phẩm tiềm năng.
 - o Đánh giá chung: Trường có nhiều tiềm năng về KHCN, tuy nhiên do sự hạn chế về các nguồn lực về con người, kinh phí, cộng với tải công việc còn khá lớn nên các tiềm năng chưa chuyển hóa thành năng lực.
- Về mục tiêu: *Khẳng định vị thế NCKH*
 - o Trường chủ trương tăng số lượng đề tài KHCN cũng như các công bố khoa học có chất lượng. Trong 5 năm có 116 đề tài KHCN mới (đối với GV, NCV) và gần

100 đề tài NCKH của SV. Đặc biệt trong 2019, có 02 đề tài hợp tác NCKH với doanh nghiệp bên ngoài với tổng kinh phí khoảng 10 tỷ đồng.

- Cùng cố việc công bố các bài báo tại các tạp chí khoa học có uy tín và bài báo tại các hội nghị khoa học. Số lượng trung bình đạt khoảng 120 bài báo/năm. Tuy nhiên số lượng bài tạp chí vẫn còn khiêm tốn.
 - Định kỳ tổ chức các hội nghị khoa học: HN Khoa học trẻ và NCS, MAPR, Hội thảo về NCKH cho SV.
 - Xây dựng mạng lưới với cơ quan quản lý NCKH của địa phương, doanh nghiệp, đối tác nước ngoài để gia tăng các đề tài NCKH/CGCN, qua đó phát triển mạnh về NCKH/CGCN. Tham gia các hoạt động giao lưu kết nối với các địa phương trong các hoạt động như hội thảo về Smart City, hội thảo An toàn thông tin.
 - Đánh giá chung: Vị thế KHCN của Trường có những dấu hiệu chuyển biến tốt, do có sự hoạt động không ngừng của đội ngũ CBGV/NCV và đội ngũ CBQL. Tuy nhiên, so với các trường bạn, vị thế về KHCN Trường vẫn còn khiêm tốn, chưa thật sự vượt trội.
- Về mục tiêu: *Tăng cường chuyển giao công nghệ*
 - Ngoại trừ một số hoạt động chuyển giao rất đặc thù như trong lĩnh vực An toàn thông tin, và kết quả hợp tác với các doanh nghiệp như Rosen, FSoft, CityNow thì hiện nay hoạt động CGCN còn gặp rất nhiều khó khăn.

IV.1.3. Nhóm chiến lược 3: Quan hệ đối ngoại

a. Mục tiêu chung

- Xây dựng thương hiệu Trường được biết đến trong và ngoài nước; củng cố và phát triển các mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước, hỗ trợ cho các hoạt động khác của Trường phát triển.

b. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển thương hiệu của Trường thông qua đa dạng hóa các hình thức PR
- Duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác chiến lược, thúc đẩy sự hợp tác nhằm mang lại các cơ hội phát triển cho nhà trường

c. Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu

- Về mục tiêu: *Phát triển thương hiệu của Trường thông qua đa dạng hóa các hình thức PR*
 - o Theo thời gian, thương hiệu “Trường Đại học Công nghệ Thông tin”, “UIT” được nhiều người biết đến hơn. Tuy nhiên, các hoạt động quan hệ đối ngoại chưa được đẩy mạnh, đột phá mà còn mang tính định kỳ, đều đặn ở các hình thức PR phổ biến.
- Về mục tiêu: *Duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác chiến lược, thúc đẩy sự hợp tác nhằm mang lại các cơ hội phát triển cho Nhà trường*
 - o Các hoạt động duy trì và mở rộng các mối quan hệ đang có cũng mang đến cho Trường một số cơ hội hợp tác phát triển. Tuy nhiên, mạng lưới đối tác chiến lược vẫn cần được phát triển, mở rộng thêm.

IV.1.4. Nhóm chiến lược 4: Tổ chức và quản trị

a. Mục tiêu chung

- Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị nhà trường tinh gọn, hiệu quả và tạo tiền đề cho Trường phát triển.

b. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn chỉnh hệ thống quản trị đại học đạt trình độ chuyên nghiệp
- Phát triển nguồn nhân lực

c. Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu

- Về mục tiêu: *Hoàn chỉnh hệ thống quản trị đại học đạt trình độ chuyên nghiệp*
 - o Trong 5 năm, Trường đã củng cố và phát triển hệ thống văn bản quản lý phủ khắp các lĩnh vực có nhu cầu. Các văn bản đáp ứng được công tác quản lý của Trường. Tuy nhiên, công tác phổ biến, quán triệt nội dung văn bản quản lý các cấp còn chưa tương xứng.
 - o Thái độ và kỹ năng phục vụ của các nhân viên phòng ban được cải thiện hơn. Khảo sát đánh giá của đội ngũ CBVC-NLĐ và SV hầu hết là hài lòng với đội ngũ nhân viên quản lý.
 - o Công tác tin học hoá được tiếp tục thực hiện, đảm bảo hầu hết các nhu cầu quản lý của Nhà trường.

- Về mục tiêu: *Phát triển nguồn nhân lực*
 - Trường chủ trương gia tăng CBVC có trình độ sau đại học, đặc biệt là Tiến sĩ; tuyển dụng các nhà nghiên cứu có thành tích xuất sắc. Trong 5 năm có thêm được trên 30 tiến sĩ từ nguồn gửi đi học, hàng chục thạc sĩ tuyển dụng mới. Tuy nhiên, sự cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực chất lượng cao với các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp khác khiến việc giữ chân lực lượng này thật sự là một vấn đề. Đề án “Thí điểm tuyển dụng nhân sự có trình độ Tiến sĩ” một mặt cho thấy nỗ lực của Nhà trường trong việc thu hút nguồn nhân lực, một mặt cho thấy sự khó khăn trong việc thu hút và giữ chân các chuyên gia này.
 - Trường thường xuyên gửi người đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tận dụng các lớp học từ bên ngoài, tự mở các lớp tại Trường, ... hàng năm.
 - Đánh giá chung: Số lượng và chất lượng nhân lực tuy có tăng, nhưng chưa đáp ứng được kỳ vọng.

IV.1.5. Nhóm chiến lược 5: Nguồn lực cho sự phát triển

a. Mục tiêu chung

- Cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính đầy đủ, đáp ứng cho sự phát triển.

b. Mục tiêu cụ thể

- Cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển
- Có cơ chế tự chủ tài chính hợp lý

c. Kết quả triển khai và đánh giá mức độ đạt mục tiêu

- Về mục tiêu: *Cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển*
 - Trường chủ trương phát triển không gian học tập, phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH. Nhà phục vụ sinh viên được khởi công và đưa vào khai thác. Khối Nhà B được đưa vào sử dụng đã giảm tải hệ thống phòng học một cách rõ rệt. Không gian Trường được xây dựng khang trang, có nhiều mảng xanh hơn.
 - Thư viện tương đối phong phú tài liệu, phục vụ cho SV và CBVC.
 - Máy móc thiết bị phục vụ làm việc và nghiên cứu được đảm bảo. Data Center đáp ứng khá tốt nhu cầu khai thác và nghiên cứu khoa học.

- Tuy nhiên do vốn ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản (QG-04) đã hết nên các hạng mục theo quy hoạch 1/500 mới chưa được phê duyệt đầu tư.
- Đánh giá chung: Đánh giá mức độ đạt được mục tiêu 80%.
- Về mục tiêu: *Có cơ chế tự chủ tài chính hợp lý*
 - Nguồn thu của Trường chủ yếu vẫn từ nguồn thu học phí nên bị hạn chế bởi mức trần học phí theo Nghị định 86. Các nguồn thu từ KHCN, CGCN còn chưa xứng tầm với năng lực, tiềm năng của Trường.
 - Trường hướng tới một cơ chế tự chủ, trong đó có tự chủ tài chính, là một trong những điểm đột phá trong việc phát triển Nhà trường. Trường đã xây dựng và được phê duyệt đề án ”Đổi mới cơ chế hoạt động Trường ĐHCNTT” vào tháng 8/2020 và bắt đầu áp dụng từ năm 2021.
 - Đánh giá chung: Đánh giá mức độ đạt được mục tiêu 70%.

IV.2. Kết luận chung về quá trình thực hiện KHCL giai đoạn 2016-2020

a. Nhận xét chung

- Hầu hết các hoạt động thuộc từng chiến lược đều được triển khai thực hiện, chuyển hóa vào các kế hoạch công tác năm của các đơn vị.
- Trên 80% các hoạt động đã được thực hiện, những hoạt động còn lại đòi hỏi phải có điều chỉnh, quan tâm, đầu tư.

b. Những điểm mạnh

- Sự quan tâm, hỗ trợ của Ban Giám đốc ĐHQG-HCM cũng như các ban trực thuộc ĐHQG-HCM;
- Sự đoàn kết trong tập thể BGH, lãnh đạo các đơn vị và CBVC Trường;
- Kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường;
- Tập thể CBVC Trường nói chung trẻ và có tinh thần cống hiến, xây dựng Trường.

c. Những điểm yếu

- Chưa có sự đồng bộ trong việc thực hiện tất cả các nhóm chiến lược;
- Sự phối hợp giữa các đơn vị chưa tốt như mong muốn;
- Một số mục tiêu còn cao và nhiều so với năng lực về tài chính và nhân lực;

- Bộ phận theo dõi thực hiện KHCL chưa sát sao.

d. Nguyên nhân

- Đội ngũ lãnh đạo, CBVC chưa thật sự chuyên nghiệp;
- Tình trạng quá tải công việc: hội họp, báo cáo các cấp;
- Thiếu kinh phí để triển khai toàn diện, đồng bộ;
- Chính sách thu hút nguồn nhân lực, chuyên gia đầu ngành, chất lượng cao cần có thời gian;
- Năng lực của đối tác, nhà thầu xây dựng còn nhiều hạn chế.

Bảng tóm tắt các kết quả đạt được giai đoạn 2016 – 2020

TT	Chỉ số	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu 2020 (điều chỉnh GK)	Thực hiện năm 2020	Đánh giá	Nguyên nhân không đạt
Hoạt động đào tạo						
1	Tuyển sinh chính quy /năm	1.039	1400	1.724	Đạt	
2	Tuyển sinh từ xa /năm	53	0	64	Đạt	
3	Tuyển sinh cao học /năm	76	90	128	Đạt	
4	Tuyển nghiên cứu sinh /năm	4	4	3	Chưa đạt	Nhiều trường ĐH mở đào tạo TS CNTT, cơ hội đi làm NCS nước ngoài cao
5	Tổng số sinh viên chính quy	4.785	5500	7.101	Đạt	
6	Tổng số sinh viên hệ từ xa qua mạng	1212	300	351	Đạt	
7	Tổng số sinh viên hệ đào tạo trực tuyến (thí điểm)	0	200	0	Chưa đạt	Dự kiến thí điểm nhưng đã chuyển hệ Từ xa sang dạng đào tạo hỗn hợp (Blended learning) nên không triển khai
8	Tổng số học viên cao học	398	250	369	Đạt	
9	Tổng nghiên cứu sinh	27	30	19	Chưa đạt	Nhiều trường ĐH mở đào tạo TS CNTT, cơ hội đi làm NCS nước ngoài cao
10	Số ngành/chương trình đào tạo ĐH mở mới	7	11	9	Chưa đạt	Tuy không mở ngành mới đủ nhưng nếu tính 2 chuyên ngành mới mở gồm Trí tuệ nhân tạo và Hệ thống nhúng& IoT thì coi như đạt
11	Số chương trình đào tạo đại	0	3	3	Đạt	

TT	Chỉ số	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu 2020 (điều chỉnh GK)	Thực hiện năm 2020	Đánh giá	Nguyên nhân không đạt
	học chính quy liên kết trong nước và quốc tế					
12	Số ngành đào tạo thạc sĩ	2	4	4	Đạt	
13	Số ngành đào tạo tiến sĩ	2	3	2	Đạt	
Đảm bảo chất lượng đào tạo						
14	Số lượng CTĐT được kiểm định	1 AUN, 3 ngoài nội bộ	4 AUN, 3 ngoài nội bộ	4 AUN, 4 ngoài nội bộ	Đạt	
Nghiên cứu khoa học						
15	Số nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQG	0	1	2	Đạt	
16	Số nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường	0	1	2	Đạt	
17	Số PTN trọng điểm cấp ĐHQG	0	1	0	Chưa đạt	Chưa kịp chuẩn bị
18	Số PTN cấp Trường (bao gồm cả PTN liên kết với doanh nghiệp)	3 (2 chuyển tiếp, 1 mới)	6	7	Đạt	
19	Số đề tài KHCN cấp ĐHQG được cấp kinh phí mới /năm	7	10	5	Chưa đạt	Các GV có năng lực NCKH tốt đã có đề tài hoặc đi nước ngoài nhiều và các GV khác còn ngại đăng ký. Trung bình các năm 2016-2020 là 6,8 đề tài ĐHQG/Năm
20	Số đề tài KHCN ngoài ngân sách ĐHQG được cấp mới/năm	0	5	3	Chưa đạt	Các GV có năng lực NCKH tốt đã có đề tài hoặc quá tải công việc
21	Số bài báo khoa học tạp chí quốc tế ISI/ Scopus công bố	17	10	33	Đạt	Nhìn chung tổng số lượng

TT	Chỉ số	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu 2020 (điều chỉnh GK)	Thực hiện năm 2020	Đánh giá	Nguyên nhân không đạt
	/năm					bài báo đạt nhưng do xu hướng chuyển dịch sang đăng các tạp chí trong danh mục ISI/Scopus nên một số loại hình khác không đạt
22	Số bài báo khoa học tạp chí quốc tế khác công bố /năm	10	8	3	Chưa đạt	
23	Số bài báo hội nghị khoa học quốc tế uy tín (thuộc danh sách ERA) công bố/năm	6	10	3	Chưa đạt	
24	Số bài báo hội nghị khoa học quốc tế khác công bố/năm	50	60	70	Đạt	
25	Số bài báo tạp chí trong nước công bố/năm	5	8	12	Đạt	
26	Số bài báo hội nghị trong nước công bố/năm	10	20	25	Đạt	
27	Số hội nghị/hội thảo quốc tế đã tổ chức	0	3	3	Đạt	
28	Số hợp đồng hợp tác chuyển giao công nghệ/năm	0	2	3	Đạt	
Quan hệ đối ngoại						
29	Số lượng CTĐT liên kết với nước ngoài	1	2	2	Đạt	
30	Số lượng bản ghi nhớ hợp tác (MOU) có hiệu lực, được triển khai	10	12	4	Chưa đạt	Một phần do Covid-19
31	Số lượng chương trình hợp tác nghiên cứu	4	6	1	Chưa đạt	Một phần do Covid-19
Xây dựng cơ bản và cơ sở vật chất						
32	Khối lượng xây dựng hoàn thành tiểu dự án QG-04	70% theo quy hoạch cũ	75% theo quy hoạch mới (90% theo QH cũ)	40% theo quy hoạch mới	Chưa đạt	Khó khăn trong giải phóng mặt bằng cũng như nguồn NSNN
Đội ngũ Cán bộ giảng dạy – nghiên cứu						
33	Số lượng CBCNV cơ hữu	286	340	298	Chưa đạt	Sức cạnh tranh với các trường

TT	Chỉ số	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu 2020 (điều chỉnh GK)	Thực hiện năm 2020	Đánh giá	Nguyên nhân không đạt
						khác và với doanh nghiệp đang rất cao
34	Số lượng cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	174	200	200	Đạt	
35	Tỷ lệ sinh viên chính quy trên cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	20:1	20:1	20,77:1	Chưa đạt	Lĩnh vực CNTT đang có nhu cầu việc làm cao và được nhà nước ủng hộ nhiều ngành đã kiểm định AUN tăng tuyển sinh hơn 20%
36	Số GS, Phó GS	9	13	7	Chưa đạt	Nhiều GS, PGS nghỉ hưu hoặc chuyển nơi công tác, các GV TS còn chưa nhiệt tình làm hồ sơ vì quy định xét PGS đổi mới
37	Tỷ lệ CBGD, NC có trình độ SĐH/Tổng số CBGD, NC	80%	85%	90,5%	Đạt	
38	Tỷ lệ CBGD, NC có trình độ Tiến sĩ/tổng số CBGD, NC	22,4%	23-25%	29,5%	Đạt	

V. Phân tích điểm mạnh - điểm yếu; cơ hội - thách thức và mục tiêu trọng tâm của Trường trong giai đoạn 2021-2025

Dựa vào hiện trạng Nhà trường, bối cảnh kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện tại và những năm tiếp theo, Trường xác định có những điểm mạnh, điểm yếu từ bên trong, cũng như các cơ hội, thách thức đến từ bên ngoài.

V.1. Điểm mạnh

1. Nguồn nhân lực trẻ có chuyên môn, năng động, nhiệt huyết, đoàn kết tốt. Lãnh đạo Nhà trường tâm huyết, quyết liệt, khả năng phản ứng nhạy bén với công việc.
2. Cơ sở vật chất và hạ tầng tương đối tốt, đáp ứng giảng dạy và nghiên cứu.
3. Chất lượng đào tạo ổn định, có các ngành mũi nhọn: An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu.
4. Chất lượng công bố khoa học gia tăng. Hình thành nhiều nhóm NC mạnh và gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp.
5. Ứng dụng CNTT sâu rộng, phủ kín các lĩnh vực hoạt động và nghiệp vụ quản lý của Nhà trường.
6. Đội ngũ làm Công tác sinh viên, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên có nhiều hoạt động thu hút sinh viên và phục vụ SV đa dạng.
7. Bắt đầu hình thành ý thức phục vụ, đảm bảo chất lượng, văn hóa minh chứng.
8. Danh tiếng của Trường đã được giới học thuật và thị trường lao động phía Nam biết đến và đánh giá cao, bước đầu có danh tiếng trong khu vực ASEAN. Có sức hút tốt đối với học sinh, sinh viên (đầu vào) và doanh nghiệp (đầu ra).

V.2. Điểm yếu

1. Thiếu nhân lực trình độ cao. Đội ngũ chuyên viên còn thiếu đồng bộ, chưa chuyên nghiệp. Trình độ ngoại ngữ của cả giảng viên, chuyên viên lẫn sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường.
2. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm chưa đồng bộ, chưa xây dựng xong theo quy hoạch.
3. Chương trình đào tạo còn nặng, chưa thật sự hiệu quả. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn còn thấp. Số lượng học viên SDH chưa cao.
4. Công bố khoa học trên các tạp chí, hội nghị quốc tế chưa có đột phá. Chuyển giao công nghệ chưa xứng với tiềm năng.
5. Ứng dụng CNTT chưa khai thác hết tiềm năng của Trường.
6. Hoạt động, dịch vụ cung cấp chưa theo cá nhân hóa đến từng SV.
7. Hệ thống Đảm bảo chất lượng chưa hình thành đầy đủ.
8. Quan hệ đối ngoại chưa huy động được nhiều nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển.

V.3. Cơ hội

1. Chính sách Tự chủ đại học của chính phủ, trong đó có tự chủ về tài chính. Được xây dựng mức thu học phí theo định mức kinh tế kỹ thuật về giá dịch vụ đào tạo.
2. Vị trí Trường nằm trong khu vực phát triển thành phố thông minh (thành phố Thủ Đức) trong tương lai gần của Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nhiều chủ trương, chính sách của Nhà nước ưu tiên phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt là về: chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, cách mạng 4.0.
4. Có các dự án phát triển của Chính phủ, Đại học Quốc gia, Địa phương.
5. Được sự quan tâm đầu tư tài chính của Đại học Quốc gia.
6. Nhu cầu nguồn nhân lực về CNTT ngày càng tăng. Nhu cầu nhân lực An toàn Thông tin, Trí tuệ Nhân tạo, Khoa học Dữ liệu ngày càng cao.

V.4. Thách thức

1. Chuyển đổi sang mô hình tự chủ tài chính, cần sự tái cơ cấu và tổ chức lại bộ máy quản lý.
2. Xã hội đòi hỏi sự đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT thông minh phục vụ phát triển.
3. Khó khăn trong việc thu hút và giữ nhân lực trình độ cao.
4. Chương trình đào tạo, nội dung môn học đòi hỏi được liên tục cập nhật theo sự phát triển nhanh chóng của lĩnh vực CNTT.
5. Ngân sách được cấp không chắc chắn: Tình hình nợ công tăng cao, thắt chặt tài chính có khả năng ảnh hưởng lớn tới nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục đại học.
6. Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các trường trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM.
7. Tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến kéo dài và khó lường.

V.5. Mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2021-2025

Dựa vào sứ mệnh và tầm nhìn đến 2030; dựa trên phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức trong giai đoạn này, Trường xác định trọng tâm phát triển là **chất lượng đào tạo** và chuẩn bị các nền tảng căn bản để hướng đến phát triển theo định hướng nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo.

Mục tiêu trọng tâm: Trở thành trường đại học uy tín/tiên tiến trong khu vực ASEAN; tiên phong triển khai chuyển đổi số trong giáo dục Đại học tại ĐHQG-HCM. Cụ thể:

1. Cung cấp chất lượng đào tạo, dịch vụ cho sinh viên đạt trình độ chung của khu vực ASEAN. Phấn đấu một số ngành đào tạo trở thành ngành tiêu biểu trong khu vực Châu Á.
2. Đẩy mạnh nghiên cứu trọng điểm, nghiên cứu phục vụ nhu cầu phát triển của địa phương và phục vụ cộng đồng.
3. Triển khai chuyển đổi số vào quản trị đại học. Xây dựng các nền tảng cơ bản cho hệ sinh thái số.
4. Gia tăng đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trình độ cao.
5. Nâng cao vị thế và hình ảnh của Trường.
6. Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển.
7. Hoàn thiện cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm, giải trình.

VI. Các chiến lược, giải pháp và chương trình

Dựa trên **Sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2030**, dựa trên **Phân tích Điểm mạnh-Điểm yếu; Cơ hội - Thách thức**, và các **mục tiêu trọng tâm** của Nhà trường đến năm 2025, Trường xây dựng kế hoạch chiến lược gồm 04 nhóm chiến lược:

1. Nâng cao chất lượng đào tạo
2. Phát triển Khoa học - Công nghệ
3. Gia tăng hiệu quả quản trị đại học
4. Gia tăng nguồn lực

VI.1. Nhóm chiến lược 1: Nâng cao chất lượng đào tạo

a. Mục tiêu chung

- Trường ĐHCNTT đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực dẫn dắt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và mang bản sắc riêng trong kỷ nguyên số.
- Hệ thống đảm bảo chất lượng vận hành hiệu quả, trong đó chất lượng đào tạo thường xuyên được giám sát, đánh giá và cải tiến.

b. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1: Đột phá chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến

Giải pháp/hoạt động:

1. Đổi mới phương thức tuyển sinh, quản lý đào tạo và thu hút sinh viên quốc tế;
2. Xây dựng và triển khai đề án học bổng mới nhằm tạo động lực và thu hút SV giỏi;
3. Phân công giảng viên giỏi, tâm huyết tham gia giảng dạy, cố vấn học tập; Tạo môi trường học tập, nghiên cứu thuận lợi nhất;
4. Tăng cường bồi dưỡng tiếng Anh.
5. Tham gia xây dựng và triển khai Đề án đào tạo nhân lực chất lượng quốc tế của Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là các đề án thành phần: Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ thông tin và Đại học Chia sẻ (gọi tắt là Đề án nhân lực chất lượng quốc tế TP.HCM).

Mục tiêu cụ thể 2: Phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng được Khối kiến thức đa lĩnh vực nhằm gia tăng tính đa dạng, linh hoạt cho chương trình đào tạo.
2. Rà soát, cải tiến chương trình đào tạo đại học đáp ứng Khung năng lực và phẩm chất sinh viên tốt nghiệp ĐHQG-HCM, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức cho SV.
3. Mở chương trình song ngành và liên thông BS-MS; chương trình đại học ngành Trí tuệ nhân tạo, Truyền thông số/Nghệ thuật truyền thông (Media art); chương trình thạc sĩ ngành Kỹ thuật máy tính; chương trình thạc sĩ, tiến sĩ ngành Khoa học Dữ liệu.
4. Đẩy mạnh xây dựng và áp dụng học liệu số trong giảng dạy.
5. Đổi mới phương thức đào tạo hệ từ xa và ứng dụng công nghệ đào tạo từ xa tiên tiến.
6. Phát triển các chương trình đào tạo liên kết quốc tế.

Mục tiêu cụ thể 3: Gia tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.

Giải pháp/hoạt động:

1. Nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy tỉ lệ tốt nghiệp, giảm tỉ lệ thôi học, đặc biệt là giải pháp thúc đẩy sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ xét tốt nghiệp.
2. Tăng cường công tác cố vấn học tập/hỗ trợ học tập cho sinh viên năm nhất.
3. Xây dựng và triển khai hệ thống tự động cảnh báo sinh viên về tình trạng học tập.
4. Đổi mới công tác đào tạo ngoại ngữ.

Mục tiêu cụ thể 4: Kiểm định giáo dục theo chuẩn quốc tế.

Giải pháp/hoạt động:

1. Hoàn thiện hệ thống quy định, tài liệu hướng dẫn, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý bảo đảm chất lượng.
2. Phát triển phần mềm quản lý hệ thống ĐBCL bên trong, quản lý các quy trình ĐBCL theo PDCA của khoa/phòng ban.
3. Triển khai kiểm định giáo dục cấp chương trình đào tạo và kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo chuẩn quốc tế.
4. Tham gia xếp hạng quốc tế uy tín (QS Asia Ranking, RUR,...) để đối sánh việc nâng cao chất lượng của Trường.

Mục tiêu cụ thể 5: Phát triển kỹ năng, rèn luyện thái độ của sinh viên.

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng các câu lạc bộ kỹ năng dành cho SV.
2. Xây dựng và ban hành thang phẩm chất năng lực cần có của SV.
3. Tăng cường tổ chức các lớp kỹ năng để nâng cao phẩm chất, năng lực cho SV.

Mục tiêu cụ thể 6: Nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất của sinh viên.

Giải pháp/hoạt động:

1. Nghiên cứu tâm lý SV thế hệ mới để tổ chức tư vấn tâm lý cho SV hiệu quả.
2. Tổ chức các buổi nói chuyện truyền cảm hứng dành cho SV.
3. Tổ chức các hoạt động thi đấu TDTT cho sinh viên.
4. Phát triển các Đội, Nhóm TDTT sinh viên.
5. Nâng cấp phòng chăm sóc sức khỏe cho SV.

Mục tiêu cụ thể 7: Hỗ trợ học tập và hoạt động cộng đồng của sinh viên.

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng và triển khai hệ thống hỗ trợ hoạt động cộng đồng của SV.
2. Hoàn thiện và đổi mới quy chế Cố vấn học tập

VI.2.Nhóm chiến lược 2: Phát triển Khoa học - Công nghệ

a. Mục tiêu chung

- Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng

lực thực hiện nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu địa phương, ứng dụng phục vụ cộng đồng và tập trung vào các giải pháp, công nghệ tiên tiến phục vụ chuyển đổi số, đô thị thông minh.

b. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1: Phát triển nghiên cứu ứng dụng và sản phẩm công nghệ, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyển đổi số, đô thị thông minh.

Giải pháp/hoạt động:

1. Tham gia triển khai các chương trình khoa học và công nghệ chủ lực của TP.HCM tập trung vào các lĩnh vực như AI, IoT, Embedded System, Data Science.
2. Xác lập danh sách các sản phẩm và công nghệ của Trường để đầu tư.
3. Xây dựng và triển khai chương trình quảng bá sản phẩm nghiên cứu của Trường.
4. Phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo và gia tăng đăng ký SHTT.

Mục tiêu cụ thể 2: Phát triển tiềm lực KHCN trên cơ sở đầu tư các nhóm nghiên cứu và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế.

Giải pháp/hoạt động:

1. Hoàn thiện các chính sách thu hút NCS, GV theo Research Track.
2. Thành lập và phát triển Trung tâm nghiên cứu tiên tiến về CNTT & TT.
3. Xây dựng và triển khai chính sách đầu tư và khuyến khích hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu của Trường.
4. Xây dựng và triển khai chính sách tăng cường tuyển sinh NCS gắn với các nhóm NC.
5. Hoàn thiện và đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ để tăng tỷ lệ SV tham gia NCKH.
6. Xây dựng đề án PTN trọng điểm, Phòng NC&PT về phát triển vi mạch, công nghệ chuyển đổi số, thành phố thông minh.
7. Đầu tư và đẩy mạnh phát triển hội nghị MAPR (thuộc danh mục Scopus) do Trường sáng lập và tổ chức hàng năm.
8. Triển khai hiệu quả các chính sách nâng cao năng lực công bố Scopus.

VI.3. Nhóm chiến lược 3: Gia tăng hiệu quả quản trị đại học

a. Mục tiêu chung

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị Nhà trường đảm bảo tinh gọn, hiệu quả và tạo nền tảng cho Trường phát triển.

b. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1: Phát triển hệ thống quản lý thông minh.

Giải pháp/hoạt động:

1. Khảo sát hiện trạng, xây dựng, triển khai đề án “Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số tại ĐHQG-HCM theo định hướng phát triển đại học số”.
2. Chuẩn hóa CSDL về đào tạo, SV, NCKH, nhân sự.
3. Xây dựng công cụ tổng hợp và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định.
4. Thiết kế, xây dựng mới hệ thống website chuyên nghiệp, thân thiện với người sử dụng.

Mục tiêu cụ thể 2: Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý tài chính hiệu quả.

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng hệ thống thu và quản lý học phí kết nối tự động với ngân hàng.
2. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý tài chính kiểm soát dòng tiền hiệu quả.

Mục tiêu cụ thể 3: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức.

Giải pháp/hoạt động:

1. Tổ chức triển khai công tác điều chỉnh cấu trúc cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
2. Thúc đẩy thành lập các phòng nghiên cứu và phát triển hợp tác với doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ .
3. Phát triển các đơn vị mới đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường.
4. Hoàn thiện các quy định quản lý theo hướng tự chủ, đồng bộ với các quy định của pháp luật.

Mục tiêu cụ thể 4: Quản trị nhân lực hiệu quả.

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án đổi mới chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc.
2. Xây dựng và triển khai chính sách thi đua khen thưởng và Vinh danh CBCNV.
3. Tối ưu hóa nguồn nhân lực theo hướng chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm tương ứng.

VI.4.Nhóm chiến lược 4: Tăng cường nguồn lực

a. Mục tiêu chung

- Tăng cường nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế và củng cố cơ sở vật chất phục vụ dạy học và nghiên cứu, đáp ứng cho sự phát triển.

b. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1: Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước

Giải pháp/hoạt động:

1. Nghiên cứu xây dựng, triển khai các biện pháp, chính sách thu hút, sử dụng và giữ chân CBVC.
2. Đẩy mạnh triển khai chương trình tuyển dụng nhân lực có trình độ SĐH, chú trọng nhân lực có trình độ Tiến sĩ.
3. Xây dựng, củng cố, duy trì liên hệ và đa dạng hóa các hình thức đóng góp cho sự phát triển của Trường đối với các GV đang ở nước ngoài.

Mục tiêu cụ thể 2: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý.

Giải pháp/hoạt động:

1. Tổ chức đào tạo đội ngũ nhân sự lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành.
2. Thúc đẩy GV, NCV, CV học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ.
3. Tổ chức các hoạt động chia sẻ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm công tác dành cho GV, NCV và CV.

Mục tiêu cụ thể 3: Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển

Giải pháp/hoạt động:

1. Hoàn thiện môi trường học tập với khu tự học, phòng học hiện đại.
2. Hoàn thiện khuôn viên trường với hành lang kết nối các tòa nhà, tăng cường mảng xanh trong Trường.
3. Đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khu nhà CNTT.B5.

Mục tiêu cụ thể 4: Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế.

Giải pháp/hoạt động:

1. Tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác và nguồn tài trợ, hỗ trợ từ nhiều đối tượng trong

và ngoài nước.

2. Xây dựng quy trình và triển khai trao đổi giảng viên, sinh viên.
3. Tích cực tham gia các mạng lưới giáo dục, các sự kiện giáo dục trong nước và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể 5: Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu

Giải pháp/hoạt động:

1. Thúc đẩy phát triển các sản phẩm truyền thông quảng bá Trường.
2. Tăng cường công tác thông tin, các kênh truyền thông ra công chúng, quảng bá hình ảnh Trường theo chiều sâu và chiều rộng.
3. Thúc đẩy phát triển và quảng bá các ứng dụng CNTT dành cho cộng đồng.

Mục tiêu cụ thể 6: Đổi mới hoạt động cựu sinh viên.

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng mô hình gắn kết và phát huy tiềm năng của cộng đồng cựu SV, doanh nghiệp cựu SV, đặc biệt là doanh nghiệp thành đạt.
2. Xây dựng, triển khai quỹ học bổng.
3. Tăng cường các hoạt động Mentor từ cựu sinh viên.

Mục tiêu cụ thể 7: Phát triển thư viện điện tử

Giải pháp/hoạt động:

1. Phát triển nguồn tài liệu nội sinh và bổ sung các nguồn tài liệu khác.
2. Phát triển thêm hệ thống các dịch vụ Thư viện.
3. Duy trì, phát triển công tác liên kết, liên thông thư viện trong và ngoài ĐHQG-HCM.
4. Tổ chức các hoạt động, sự kiện phù hợp nhằm quảng bá “Văn hóa đọc” trong sinh viên, cán bộ.

Mục tiêu cụ thể 8: Phát triển nguồn lực tài chính

Giải pháp/hoạt động:

1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả phát triển nguồn thu của các đơn vị và chính sách khuyến khích phát triển nguồn thu ngoài học phí.
2. Tổ chức hiệu quả hoạt động công ty TNHH một thành viên.

VII. Điều kiện thực hiện: Nhân sự, kinh phí, CSVC

VII.1. Nhân sự

Việc thực hiện Kế hoạch chiến lược Trường giai đoạn 2021-2025 chủ yếu là do đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động Trường thực hiện.

Phân công như sau:

- Chỉ đạo thực hiện chung: Ban chỉ đạo triển khai KHCL Trường giai đoạn 2021-2025
- Phân công các đơn vị chủ trì và phối hợp thực hiện các chương trình hành động.

Nhóm chiến lược	Mục tiêu cụ thể	Nội dung mục tiêu cụ thể (Chương trình hành động)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
Nâng cao chất lượng đào tạo	1	Đột phá chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến	Ban điều hành các chương trình đặc biệt	Phòng ĐTĐH Các Khoa - BM
	2	Phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học	Phòng ĐTĐH, Phòng ĐTSĐH&KH-CN	Các Khoa - BM
	3	Gia tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	Phòng ĐTĐH	Phòng CTSV Các Khoa
	4	Kiểm định giáo dục theo chuẩn quốc tế	Phòng TT-PC & ĐBCL	Các khoa - BM
	5	Phát triển kỹ năng, rèn luyện thái độ của sinh viên	Phòng CTSV	Các khoa
	6	Nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất của SV	Phòng CTSV	Các khoa
	7	Hỗ trợ học tập, hoạt động cộng đồng của SV	Phòng CTSV	Các khoa
Phát triển Khoa học - Công nghệ	1	Phát triển nghiên cứu ứng dụng và sản phẩm công nghệ, chuyển giao công nghệ trong chuyển đổi số và đô thị thông minh.	Phòng ĐTSĐH&KH-CN	Các khoa, Phòng Thí nghiệm
	2	Phát triển tiềm lực KH-CN trên cơ sở đầu tư các nhóm nghiên cứu và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế	Phòng ĐTSĐH&KH-CN	Các khoa, Phòng Thí nghiệm

Nhóm chiến lược	Mục tiêu cụ thể	Nội dung mục tiêu cụ thể (Chương trình hành động)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
Gia tăng hiệu quả quản trị đại học	1	Phát triển hệ thống quản lý thông minh	Phòng DL & CNTT	Các đơn vị
	2	Xây dựng hệ thống CNTT hỗ trợ quản lý tài chính hiệu quả.	Phòng DL & CNTT	Phòng KHTC
	3	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức	Phòng TCHC	Các đơn vị
	4	Quản trị nhân lực hiệu quả	Phòng TCHC	Các đơn vị
Tăng cường nguồn lực	1	Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước.	Phòng TCHC	Các khoa - BM Phòng Thí nghiệm
	2	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý	Phòng TCHC	Tất cả các đơn vị
	3	Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển	Phòng QTTB	Phòng KHTC
	4	Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế	Phòng QHĐN	Các đơn vị liên quan
	5	Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu	Phòng QHĐN	Các đơn vị liên quan
	6	Đổi mới hoạt động cựu sinh viên	Phòng CTSV	Các khoa
	7	Phát triển thư viện điện tử	Thư viện	Phòng QTTB Phòng KHTC
	8	Phát triển nguồn lực tài chính	Phòng Kế hoạch Tài chính	Các đơn vị liên quan

VII.2. Kinh phí

Bên dưới là bảng tổng hợp kinh phí các nhóm chiến lược theo từng năm.

DVT: triệu đồng

Nhóm chiến lược	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng	Tỷ lệ
1. Nâng cao chất lượng đào tạo	6.000	13.400	12.400	12.400	3.800	48.000	9,06%
2. Phát triển Khoa học – Công nghệ	4.700	10.000	14.500	16.000	19.100	64.300	12,14%
3. Gia tăng hiệu quả quản trị đại học	1.400	41.850	42.100	33.100	4.700	123.150	23,25%
4. Tăng cường nguồn lực	50.050	64.900	53.300	73.200	52.750	294.300	55,55%
Tổng kinh phí cho KHCL phát triển Trường	62.150	130.150	122.400	134.700	80.050	529.750	100%
<i>Kinh phí đầu tư từ vốn NSNN</i>	<i>31.000</i>	<i>84.000</i>	<i>65.000</i>	<i>65.000</i>		<i>245.000</i>	<i>46,25%</i>
<i>Kinh phí từ nguồn học phí</i>	<i>30.150</i>	<i>44.750</i>	<i>55.800</i>	<i>68.000</i>	<i>78.550</i>	<i>277.550</i>	<i>52,34%</i>
<i>Kinh phí từ nguồn tài trợ</i>	<i>1000</i>	<i>1400</i>	<i>1600</i>	<i>1700</i>	<i>1800</i>	<i>7500</i>	<i>1,41%</i>

Tổng kinh phí để triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 là **529.750 triệu đồng** (Năm trăm hai mươi chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng). Nguồn vốn cho tổng kinh phí này dự kiến như sau:

- Kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước: 245.000 triệu đồng chiếm 46,25%.
- Kinh phí từ nguồn học phí: 277.550 triệu đồng chiếm 52,34%
- Kinh phí từ nguồn tài trợ: 7.500 triệu đồng chiếm 1,41%

VII.3. Cơ sở vật chất

Hệ thống phòng học, phòng thực hành- thí nghiệm; các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ, ứng dụng phần mềm mà Trường đang khai thác, cùng với các cơ sở vật chất khác sẽ được Nhà nước tiếp tục đầu tư, Nhà trường tin tưởng có đủ cơ sở vật chất để thực hiện KHCL giai đoạn 2021-2025.

VIII. Biện pháp triển khai

- Ban Giám hiệu Trường ĐHCNTT tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm, các đề án trọng tâm, cấp thiết cho từng nhóm chiến lược, từng lĩnh vực để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030.
- Các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 của

đơn vị mình và các kế hoạch hoạt động hàng năm, đảm bảo đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Trường thành lập Tổ giám sát thực hiện Kế hoạch – Chiến lược của Trường và các đơn vị. Tổ giám sát có nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện các Hoạt động trong Kế hoạch – Chiến lược, báo cáo Ban giám hiệu, Hội đồng Trường kết quả thực hiện Kế hoạch – Chiến lược.
- Hàng năm, Trường ĐHCNTT và các đơn vị tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động năm tiếp theo cho phù hợp với kế hoạch chiến lược Trường giai đoạn 2021-2025. Việc kiểm điểm, đánh giá công việc hàng năm cần tập trung vào các nhóm chiến lược và các chương trình trọng điểm trong phạm vi toàn Trường cũng như ở từng đơn vị trực thuộc.

IX. Phân tích, đánh giá rủi ro và tính khả thi

IX.1. Phân tích đánh giá rủi ro

- Diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch COVID-19 đã và đang tác động mạnh mẽ và tạo ra một số rủi ro cho công tác đào tạo của Trường. Chi phí cho giáo dục tăng lên, thu nhập giảm, nhiều doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, thu hẹp sản xuất, phá sản,... sẽ có khả năng làm ảnh hưởng đến tài chính của gia đình SV và có một phần thách thức đến việc làm của sinh viên khi ra Trường. Đồng thời, hoạt động dạy học trực tuyến cũng tạo ra những rủi ro về duy trì chất lượng, nhất là trang bị những kỹ năng, phẩm chất cho sinh viên. Bên cạnh đó, để thích ứng với hoạt động trong thời kỳ đại dịch, nhu cầu nhân lực về CNTT ngày càng tăng tạo nhiều cơ hội cho Trường.
- Quá trình hội nhập quốc tế, quốc tế hoá giáo dục bên cạnh mang lại những cơ hội cũng tạo ra những thách thức và rủi ro lớn trong công tác quản trị đại học và cạnh tranh gay gắt hơn trong giáo dục đại học.
- Trường ĐHCNTT thực hiện cơ chế tự chủ theo đề án đổi mới cơ chế hoạt động với lộ trình tăng học phí từ năm học 2021 - 2022 tạo ra nhiều thách thức và rủi ro trong công tác tuyển sinh và nâng cao chất lượng đầu vào.
- Môi trường học tập hiện nay chưa tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu của người học. Trường sẽ xây dựng môi trường học tập

thuận lợi hơn như không gian nghiên cứu, thảo luận; dữ liệu chuyên ngành; chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện về NCKH; chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khai thác, chia sẻ kết quả NCKH.

- Hoạt động hợp tác với các địa phương, ban, ngành, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế để đồng tài trợ cho các hoạt động KHCN, nghiên cứu ứng dụng, khởi nghiệp, ... chưa hiệu quả. Trường sẽ xây dựng và thực thi chính sách khuyến khích hoạt động hợp tác và tìm kiếm tài trợ phù hợp, theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
- Do cạnh tranh cao nên chưa thể tuyển dụng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp theo yêu cầu; một số nhân sự có khả năng bị đào thải do không đáp ứng được sự chuyển đổi công nghệ.
- Thu nhập tại Trường đang dần cải thiện nhưng vẫn chưa thể cạnh tranh với mức thu nhập hấp dẫn tại các đơn vị ngoài công lập nên xảy ra tình trạng dịch chuyển đội ngũ trình độ cao, làm thiếu hụt nhân lực phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trường sẽ tăng cường xây dựng và triển khai chính sách tuyển dụng mới, thu hút nhân lực, bồi dưỡng đội ngũ hiện có; xây dựng và triển khai chính sách đánh giá, trả thu nhập theo hiệu quả công việc.
- Việc triển khai các hạng mục công trình, đầu tư máy móc, trang thiết bị có khả năng sẽ khó thực hiện theo đúng tiến độ. Trường sẽ lên kế hoạch triển khai rõ ràng, cụ thể cho từng hạng mục trong kế hoạch chiến lược, từ đó bố trí nguồn vốn cho từng hạng mục, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của các đơn vị liên quan để đảm bảo chất lượng, tiến độ của các công trình; tổ chức lựa chọn những nhà thầu, đơn vị thi công có năng lực tốt về nhân sự, công nghệ, chuyên nghiệp để đáp ứng tốt các quy định về chất lượng, tiến độ, thích ứng tốt với các bối cảnh thay đổi trong tương lai về thiên tai, dịch bệnh.

IX.2. Phân tích tính khả thi

- Kế hoạch chiến lược Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2025 được xây dựng kỹ càng và thực hiện bổ sung, chỉnh sửa qua nhiều lần góp ý và lấy ý kiến của CB chủ chốt của Trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo và được Hội đồng Trường thông qua. KHCL đã phân tích và đánh giá SWOT kỹ càng để xác định các mục tiêu trọng tâm và mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2021-2025.

- KHCL Trường đã cân nhắc kỹ các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực, nguồn tài chính để xây dựng các chương trình hành động phù hợp. KHCL Trường có phân tích và quản lý rủi ro, đảm bảo hầu hết các rủi ro là được tính đến.
- Trường sẽ tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm, các đề án trọng tâm, cấp thiết cho từng nhóm chiến lược, từng lĩnh vực để triển khai thực hiện đúng tiến độ KHCL giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, Trường có được sự quan tâm, ủng hộ của ĐHQG-HCM để ưu tiên đầu tư hoàn thiện CSVC.
- Mặc dù khả năng gặp khó khăn từ nguồn vốn đầu tư từ NSNN (cấp chậm so với tiến độ, hoặc bị giảm so với dự kiến) nhưng với việc đổi mới cơ chế hoạt động từ năm 2021, việc tăng học phí phù hợp theo tiến độ sẽ đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện KHCL Trường.
- Lộ trình tăng học phí của Trường được xây dựng phù hợp cho từng giai đoạn, học phí tăng nhưng không cao, thậm chí vẫn còn thấp hơn so với các trường đại học dân lập. Với đội ngũ giảng viên giỏi và sinh viên nằm trong tốp đầu các trường đại học, Trường vẫn giữ được lợi thế cạnh tranh so với các trường khác đào tạo cùng lĩnh vực và đảm bảo nguồn tuyển sinh không bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, Trường sẽ quan tâm xây dựng chính sách và đa dạng các hình thức hỗ trợ, khuyến khích học tập và công bố kết quả NCKH cho SV.

Chính vì vậy, KHCL Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2025 có tính khả thi cao và rủi ro có thể kiểm soát.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHÍNH

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Nội dung chỉ tiêu	NĂM 2020	Giai đoạn 2021- 2025
1	Tỷ lệ SV ra trường đúng hạn (năm 2025)	55%	60%
2	Tỷ lệ học viên sau đại học/sinh viên đại học chính qui	5,2%	10%
3	Tỷ lệ SV CQ/ CB GD&NC	20,77:1	20:1
4	Số chương trình được cấp 02 bằng của Trường và 01 cơ sở đào tạo trong hệ thống ĐHQG-HCM	0	01
5	Số môn học dùng chung hệ thống học liệu số	0	09
6	Số CTĐT được kiểm định theo các tiêu chuẩn	04 CTĐT	05 CTĐT
7	Số hợp đồng NCKH hợp tác với doanh nghiệp	01	03/năm
8	Số bài báo khoa học trong danh mục ISI/Scopus	33	1200
9	Đề tài/dự án nghiên cứu liên ngành	0	02
10	Số lượng CBCNV cơ hữu	298	400
11	Tỉ lệ TS/ tổng số GV cơ hữu đến năm 2025	29,5%	35%
12	Tổng diện tích sàn xây dựng hoàn thành/Tổng diện tích sàn xây dựng của Trường theo quy hoạch	30%	44%
13	Nguồn thu so với năm trước	5%	Tăng 15% năm

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nhóm CL	Đề án/dự án	Chủ trì
1	Đề án Nhân lực quốc tế TP.HCM	Phòng ĐTĐH
	Gia tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	Phòng ĐTĐH
	Mở ngành đào tạo mới	Phòng ĐTĐH
	Nâng cao chất lượng dịch vụ SV	Phòng CTSV
2	Chính sách thu hút NCS, NCV	Phòng SDH- KHCN
	Chính sách nâng cao năng lực công bố Scopus/ISI	Phòng SDH- KHCN
	Thành lập Trung tâm NC tiên tiến và CNTT -TT	Phòng SDH- KHCN
	Xây dựng PTN trọng điểm	Phòng SDH- KHCN
3	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số tại ĐHQG-HCM theo định hướng phát triển đại học số	Phòng DL&CNTT
	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức	Phòng TCHC
	Đổi mới chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc	Phòng KHTC
	Đề án vị trí việc làm	Phòng TCHC
4	Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước.	Phòng TCHC
	Dự án xây dựng công trình nhà CNTT.B5	Phòng QTTB
	Dự án trang thiết bị từ Ngân hàng thế giới	Phòng QTTB

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

NHÓM CHIẾN LƯỢC 1: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

MỤC TIÊU CHUNG

- Trường ĐHCNTT đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực dẫn dắt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và mang bản sắc riêng trong kỷ nguyên số.
- Hệ thống đảm bảo chất lượng vận hành hiệu quả, trong đó chất lượng đào tạo thường xuyên được giám sát, đánh giá và cải tiến.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Đột phá chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến.
- Phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học.
- Gia tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.
- Kiểm định giáo dục theo chuẩn quốc tế.
- Phát triển kỹ năng, rèn luyện thái độ của sinh viên.
- Nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất của SV.
- Hỗ trợ học tập và hoạt động cộng đồng của SV.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Mục tiêu cụ thể 1: Đột phá chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến. Đơn vị chủ trì: Ban điều hành các chương trình đặc biệt Kết quả kỳ vọng: - Hàng năm 10 sinh viên tốt nghiệp/chương trình tài năng làm việc tại doanh nghiệp lớn hoặc tiếp tục học lên các trình độ cao hơn trong và ngoài nước. - Chương trình tiên tiến thu hút nhiều người học hơn thể hiện qua tỉ lệ tăng của số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình tiên tiến, điểm trúng tuyển.					
Các hoạt động	- Đánh giá hiện trạng, lên kế hoạch cụ thể nhằm nâng tầm chương trình tài năng, nâng chất chương trình tiên tiến: - Đổi mới phương thức tuyển sinh, quản lý đào tạo, thu hút SV quốc tế; - Xây dựng và triển khai đề án học bổng mới nhằm tạo động lực và thu hút SV giỏi; - Phân công giảng viên giỏi, tâm huyết tham gia giảng dạy, cố vấn học tập; - Tạo môi trường học tập, nghiên cứu thuận lợi nhất; - Tăng cường bồi dưỡng tiếng Anh. - Tham gia xây dựng các đề án thành phần của Đề án nhân lực chất lượng quốc tế TP.HCM.	- Triển khai kế hoạch, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch (nếu cần). - Triển khai thực hiện các đề án thành phần của Đề án nhân lực chất lượng quốc tế TP.HCM.	- Triển khai kế hoạch, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch (nếu cần). - Triển khai thực hiện các đề án thành phần của Đề án nhân lực chất lượng quốc tế TP.HCM.	- Triển khai kế hoạch, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch (nếu cần). - Triển khai thực hiện các đề án thành phần của Đề án nhân lực chất lượng quốc tế TP.HCM.	Tổng kết, đánh giá.
Kinh phí mục	3.000 triệu đồng	5.000 triệu đồng	5.000 triệu đồng	5.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
tiêu 1: 19.000 triệu đồng					
Mục tiêu cụ thể 2: Phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học. Đơn vị chủ trì: Phòng ĐTDH, Phòng ĐTSDH&KHCN Kết quả kỳ vọng: - Khối kiến thức đa lĩnh vực gồm tối thiểu 4 môn học, trong đó có môn học về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. - Tất cả chương trình đào tạo đại học được rà soát, cải tiến đáp ứng Khung năng lực và phẩm chất sinh viên tốt nghiệp ĐHQG-HCM. - 3 chương trình đào tạo trong chương trình đào tạo đại học hệ chính quy có học liệu số. - 01 chương trình đào tạo song ngành được mở mới. - 02 ngành đào tạo đại học được mở mới. - 02 chương trình đào tạo thạc sĩ được mở mới. - 01 chương trình đào tạo tiến sĩ được mở mới. - 02 chương trình đào tạo liên thông BS-MS được triển khai (Khoa học Máy tính và Hệ thống Thông tin). - 01 chương trình bồi dưỡng kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo cho đại chúng.					
Các hoạt động	- Xây dựng Khối kiến thức đa lĩnh vực. - Nghiên cứu về giáo dục nhân cách, đạo đức cho SV. - Đổi mới đào tạo hệ từ xa ứng dụng công nghệ đào tạo tiên tiến. - Mở chương trình song ngành và liên thông BS-MS. - Phát triển học liệu số.	- Triển khai, hoàn thiện Khối kiến thức đa lĩnh vực. - Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia giảng dạy. - Triển khai đổi mới chương trình đào tạo theo quy định Khung năng lực, phẩm chất SV tốt nghiệp	- Triển khai, hoàn thiện Khối kiến thức đa lĩnh vực. - Lên kế hoạch, triển khai các giải pháp giáo dục nhân cách, đạo đức cho SV. - Đổi mới đào tạo	- Triển khai, hoàn thiện Khối kiến thức đa lĩnh vực. - Triển khai các giải pháp giáo dục nhân cách, đạo đức cho SV. - Phát triển học liệu số.	- Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách. - Mở chương trình Tiến sĩ ngành Khoa học Dữ liệu. - Phát triển học liệu số

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	- Xây dựng quy định về học liệu số. - Xây dựng quy trình quản lý, vận hành các phòng sản xuất bài giảng số. - Xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo cho đại chúng.	của ĐHQG-HCM. - Mở ngành Trí tuệ Nhân tạo, Truyền thông số/Nghệ thuật truyền thông. - Mở chương trình thạc sĩ ngành Kỹ thuật máy tính. - Mở chương trình liên thông BS-MS. - Phát triển học liệu số.	hệ từ xa. - Phát triển học liệu số. - Mở chương trình thạc sĩ ngành Khoa học Dữ liệu. - Phát triển CTĐT liên kết quốc tế		
Kinh phí mục tiêu 2: 10.300 triệu đồng	1.000 triệu đồng	3.000 triệu đồng	3.000 triệu đồng	3.000 triệu đồng	300 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 3: Gia tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn. Đơn vị chủ trì: Phòng ĐTDH Kết quả kỳ vọng: - Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (thời gian thiết kế CTĐT + 2 năm) đạt trên 60%. - Tỷ lệ SV tiếp tục học sau năm đầu tiên đạt trên 94%.					

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Các hoạt động:	- Nghiên cứu hiện trạng, xây dựng kế hoạch thúc đẩy sinh viên tốt nghiệp, giảm tỉ lệ sinh viên bỏ học. Xem xét các giải pháp: * Công tác cố vấn, hỗ trợ học tập; * Hệ thống cảnh báo sinh viên về tình trạng học tập; * Chính sách thưởng cho sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức điểm cao; * Đổi mới giảng dạy ngoại ngữ.	Triển khai các giải pháp.	Triển khai các giải pháp.	Đánh giá, điều chỉnh, tiếp tục triển khai các giải pháp.	Tổng kết, đánh giá.
Kinh phí mục tiêu 3: 7.500 triệu đồng	500 triệu đồng	2.000 triệu đồng	2.000 triệu đồng	2.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 4: Kiểm định giáo dục theo chuẩn quốc tế. Đơn vị chủ trì: Phòng Thanh tra – pháp chế và ĐBCL Kết quả kỳ vọng: - Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ được hình thành và vận hành hiệu quả.					
Các hoạt động	- Hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý minh chứng. - Đánh giá nội bộ theo AUN-QA. - Đánh giá chương trình theo chuẩn AUN-QA hoặc chuẩn quốc tế khác. - Phần mềm quản lý đảm bảo chất lượng: quản lý đánh giá việc đạt CĐR của sinh viên.	- Phát triển phần mềm quản lý hệ thống ĐBCL bên trong, quản lý các quy trình ĐBCL theo PDCA của khoa/phòng ban. - Xây dựng hướng dẫn chuẩn bị kiểm định theo các chuẩn quốc tế lưu hành nội bộ trường.	- Hoàn thiện phần mềm quản lý hệ thống ĐBCL bên trong, quản lý các quy trình ĐBCL theo PDCA của khoa/phòng ban. - Triển khai và hoàn thiện các	- Triển khai và hoàn thiện các phần mềm ĐBCL bên trong. - Đánh giá nội bộ theo AUN-QA. - Đánh giá chương trình theo chuẩn AUN-QA hoặc	- Đánh giá nội bộ theo AUN-QA. - Đánh giá chương trình theo chuẩn AUN-QA hoặc chuẩn quốc tế khác. - Duy trì và nâng cao vị trí trong bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
		- Đánh giá nội bộ theo AUN-QA. - Đánh giá chương trình theo chuẩn AUN-QA hoặc chuẩn quốc tế khác. - Đánh giá cơ sở giáo dục theo chuẩn AUN-QA.	phần mềm ĐBCL bên trong. - Đánh giá nội bộ theo AUN-QA. - Đánh giá chương trình theo chuẩn AUN-QA hoặc chuẩn quốc tế khác. - Nghiên cứu chuẩn bị tham gia 01 bảng xếp hạng quốc tế uy tín.	chuẩn quốc tế khác. - Bắt đầu tham gia 01 bảng xếp hạng quốc tế uy tín.	
Kinh phí mục tiêu 4: 4.600 triệu đồng	600 triệu đồng	1.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 5: Phát triển kỹ năng, rèn luyện thái độ của sinh viên. Đơn vị chủ trì: Phòng Công tác sinh viên Kết quả kỳ vọng: - Phân đầu đến 2025 các câu lạc bộ kỹ năng sinh viên có hoạt động định kỳ và thu hút 30% sinh viên Trường tham gia. - Sinh viên Trường được đa số doanh nghiệp đánh giá đủ phẩm chất (thái độ) và kỹ năng sau khi tốt nghiệp					
Các hoạt động:	- Tập huấn cán bộ nòng cốt cho hoạt động câu lạc bộ. (CTSV) - CLB Lớp Trưởng sinh hoạt theo quý - Khảo sát các phẩm chất và kỹ năng	- CLB Lớp Trưởng sinh hoạt theo tháng - Tăng số lượng các CLB và tỉ lệ SV tham gia hoạt động tại UIT	- Tăng số lượng các CLB và tỉ lệ SV tham gia hoạt động tại UIT - Tổ chức các lớp	- Tăng số lượng các CLB và tỉ lệ SV tham gia hoạt động tại UIT - Tổ chức các lớp	Tăng số lượng các CLB và tỉ lệ SV tham gia hoạt động tại UIT Tổng kết, đánh giá các hoạt động trang

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	sinh viên UIT cần được trang bị	- Ban hành thang phẩm chất năng lực của SV. - Tổ chức các lớp kỹ năng	kỹ năng	kỹ năng	bị kỹ năng cho sinh viên
Kinh phí mục tiêu 5: 1500 triệu đồng	200 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng	100 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 6: Nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất của SV. Đơn vị chủ trì: Phòng Công tác sinh viên Kết quả kỳ vọng: - Sinh viên được hỗ trợ tốt nhất về mặt sức khỏe thể chất. - 50% SV có tham gia hoạt động TDDT thường xuyên - 100% SV tham gia BHYT. - Phòng y tế hoạt động hằng ngày					
Các hoạt động:	- Tổ chức hoạt động không gian chia sẻ. - Nghiên cứu tâm lý và tổ chức các buổi tư vấn tâm lý cá nhân - Tổ chức các buổi trò chuyện truyền cảm hứng. - Tổ chức các hoạt động thi đấu TDDT cho sinh viên xuyên suốt trong năm học - Phát triển các CLB, Đội, Nhóm TDDT sinh viên.	- Triển khai thêm chương trình online. - Tổ chức các hoạt động TDDT sinh viên xuyên suốt trong năm học. - Duy trì và hỗ trợ các hoạt động của CLB, Đội, Nhóm TDDT sinh viên. - Nâng cấp phòng chăm sóc sức khỏe SV	- Thực hiện khảo sát, theo dõi, đánh giá sức khỏe tinh thần của Tân Sinh viên. - Tổ chức các hoạt động TDDT sinh viên xuyên suốt trong năm học. - Duy trì và hỗ trợ các hoạt động của CLB, Đội, Nhóm	- Triển khai và hoàn thiện các chương trình. - Tổ chức các hoạt động TDDT sinh viên xuyên suốt trong năm học. - Duy trì và hỗ trợ các hoạt động của CLB, Đội, Nhóm TDDT sinh viên.	- Tổ chức các hoạt động TDDT sinh viên xuyên suốt trong năm học. - Duy trì và hỗ trợ các hoạt động của CLB, Đội, Nhóm TDDT sinh viên. - Nâng cấp, bảo dưỡng các CSVC phục vụ TDDT sinh viên

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
			TĐTT sinh viên.		
Kinh phí mục tiêu 6: 3.250 triệu đồng	500 triệu đồng	1.500 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	250 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 7: Hỗ trợ học tập, hoạt động cộng đồng của SV Đơn vị chủ trì: Phòng Công tác sinh viên Kết quả kỳ vọng: - Từng sinh viên đều được sự theo sát, hỗ trợ của đội ngũ cố vấn học tập và sinh viên khoá trên - Tỷ lệ SV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng: 80%					
Các hoạt động:	- Đổi mới qui chế CVHT - Xây dựng hệ thống hỗ trợ hoạt động cộng đồng của SV	- Triển khai hệ thống CVHT và hỗ trợ sinh viên - Xây dựng hệ thống tự động cảnh báo, hỗ trợ hoạt động của SV - Tăng tỉ lệ SV tham gia các hoạt động học thuật và nghiên cứu khoa học	- Triển khai hệ thống CVHT và hỗ trợ SV - Tăng tỉ lệ SV tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, TĐTT, phòng chống tội phạm và các TNXH	- Tiếp tục triển khai hệ thống CVHT và hỗ trợ sinh viên - Tăng tỉ lệ SV tham gia các hoạt động cộng đồng	- Đánh giá và đề ra hướng phát triển của hệ thống CVHT và hỗ trợ sinh viên - Tăng tỉ lệ SV tham gia các hoạt động học thuật và nghiên cứu khoa học
Kinh phí mục tiêu 7: 1.850 triệu đồng	200 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	150 triệu đồng

NHÓM CHIẾN LƯỢC 2: PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

MỤC TIÊU CHUNG:

- Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu địa phương, phục vụ cộng đồng và tập trung vào các giải pháp, công nghệ tiên tiến phục vụ chuyển đổi số, đô thị thông minh.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Phát triển nghiên cứu ứng dụng và sản phẩm công nghệ, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyển đổi số, đô thị thông minh.
- Phát triển tiềm lực KHCN trên cơ sở đầu tư các nhóm nghiên cứu và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Mục tiêu cụ thể 1: Phát triển nghiên cứu ứng dụng và sản phẩm công nghệ, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyển đổi số, đô thị thông minh. Đơn vị chủ trì: Phòng ĐTSĐH&KHCN Kết quả kỳ vọng: - Tham gia ít nhất 01 chương trình khoa học công nghệ chủ lực của TP.HCM và Quốc gia - Trung bình đăng ký 2 sở hữu trí tuệ/năm (bản quyền, GPHI, bằng sáng chế). - 02 sản phẩm/dự án công nghệ được doanh nghiệp tài trợ đầu tư/triển khai và 01 sản phẩm/dự án được đầu tư chiều sâu - 02 sản phẩm/dự án được đưa vào danh sách công nghệ chuyển giao					
Các hoạt động:	- Nghiên cứu các chương trình khoa học công nghệ chủ lực của TP.HCM, tập trung vào các lĩnh vực như AI, IoT, Embedded	- Tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng xây dựng thuyết minh đề tài/dự	- Đăng ký đề xuất đề tài/dự án - Gia tăng hợp tác với các	- Triển khai thực hiện đề tài được duyệt, đề xuất đề tài mới - Gia tăng các hoạt	- Đánh giá tổng kết

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	System, Data Science - Chuẩn bị nguồn nhân lực (SV, HVCH, NCS) cho các nhóm nghiên cứu thông qua các hoạt động như seminar, hợp tác quốc tế	án - Đăng ký đề xuất đề tài/dự án	nhóm NC trong ĐHQG	động hợp tác giữa các nhóm NC trong và ngoài nước	
	- Xác lập danh sách các sản phẩm và công nghệ của Trường và đầu tư theo thứ tự ưu tiên - Đẩy mạnh hoạt động TT Đổi mới sáng tạo. - Xây dựng chương trình quảng bá sản phẩm nghiên cứu của Trường	- Đánh giá về hiệu quả đầu tư và tiếp tục đầu tư mở rộng - Kết nối doanh nghiệp, giới thiệu các sản phẩm tiềm năng - Đăng ký SHTT - Kết nối doanh nghiệp để hợp tác phát triển sản phẩm, chuyên giao công nghệ	- Đánh giá về hiệu quả đầu tư và tiếp tục đầu tư mở rộng - Kết nối doanh nghiệp, giới thiệu các sản phẩm tiềm năng - Tổ chức cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp, ý tưởng phát triển sản phẩm KHCN phục vụ cộng đồng - Kết nối với các cuộc thi khởi nghiệp trong và ngoài nước để hỗ trợ SV có cơ hội cọ xát	- Đánh giá về hiệu quả đầu tư và tiếp tục đầu tư mở rộng - Quảng bá về sản phẩm, hỗ trợ chuyên giao công nghệ - Đăng ký SHTT - Kết nối doanh nghiệp để hợp tác phát triển sản phẩm, chuyên giao công nghệ	- Quảng bá về sản phẩm, hỗ trợ chuyên giao công nghệ - Đăng ký SHTT - Kết nối doanh nghiệp để hợp tác phát triển sản phẩm, chuyên giao công nghệ
Kinh phí mục tiêu 1: 5.300 triệu đồng	700 triệu đồng	1.000 triệu đồng	1.500 triệu đồng	1.000 triệu đồng	1.100 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 2: Phát triển tiềm lực KHCN trên cơ sở đầu tư các nhóm nghiên cứu và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế. Đơn vị chủ trì: Phòng ĐTSĐH&KHCN Kết quả kỳ vọng:					

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	- Tiềm lực KHCN được gia tăng, một phần được chuyển hóa thành các sản phẩm KHCN và các công bố khoa học - SV NCKH đạt 20% tổng số SV. - Số lượng bài báo KH thuộc danh mục Scopus tăng - 01 dự án hợp tác quốc tế được tài trợ - 02 đề tài/dự án liên ngành - 01 nhóm NC mạnh cấp ĐHQG - 05 nhóm NC cấp Trường được đầu tư kinh phí thường xuyên - Trung bình 4 NCS/năm. - 02 Phòng NC&PT hợp tác doanh nghiệp. - 02 PTN được ĐHQG công nhận và đầu tư - Hội nghị MAPR của Trường được duy trì trong danh mục Scopus				
Các hoạt động:	- Xây dựng chính sách để thu hút NCS, GV theo Research Track (chủ yếu là nghiên cứu) - Xây dựng chính sách đầu tư và khuyến khích hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu của Trường - Tham gia xây dựng mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo	- Triển khai chính sách để thu hút NCS, GV theo Research Track - Hỗ trợ các nhóm NC ứng tuyển các đề tài KHCN các cấp. - Tham gia xây dựng mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo	- Rà soát chính sách để thu hút NCS, GV theo Research Track - Hỗ trợ các nhóm NC ứng tuyển các đề tài KHCN các cấp. - Rà soát và có chính sách tăng cường đầu tư về nhân lực cho các PTN cấp Trường. - Tham gia xây dựng mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu phát triển	- Rà soát chính sách để thu hút NCS, GV theo Research Track - Hỗ trợ các nhóm NC ứng tuyển các đề tài KHCN các cấp - Tham gia xây dựng mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo	- Đánh giá chính sách để thu hút NCS, GV theo Research Track - Hỗ trợ các nhóm NC ứng tuyển các đề tài KHCN các cấp - Tham gia xây dựng mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu phát triển trí tuệ

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	- Xây dựng chính sách tăng cường tuyển sinh NCS gắn với các nhóm NC - Tăng cường hỗ trợ để tăng SV tham gia NCKH - Xây dựng đề án PTN trọng điểm, P. NC&PT về công nghệ chuyển đổi số, thành phố thông minh - Đầu tư đẩy mạnh phát triển hội nghị MAPR (thuộc danh mục Scopus) do Trường sáng lập và tổ chức hàng năm - Xây dựng chính sách thưởng NCKH	- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm nghiên cứu tiên tiến về CNTT&TT - Tăng cường tuyển sinh NCS gắn với các nhóm NC - Tăng cường hỗ trợ để tăng SV tham gia NCKH - Ứng tuyển để tìm tài trợ, đầu tư cho PTN - Gia tăng số lượng bài báo của GV Trường thuộc danh mục Scopus	- trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo - Chính sách hỗ trợ NCS nhằm tăng cường hợp tác quốc tế - Tăng cường hỗ trợ để tăng SV tham gia NCKH - Ứng tuyển để tìm tài trợ, đầu tư cho PTN - Gia tăng số lượng bài báo của GV Trường thuộc danh mục Scopus qua hợp tác quốc tế	- Chính sách hỗ trợ NCS nhằm tăng cường hợp tác quốc tế - Tăng cường hỗ trợ để tăng SV tham gia NCKH - Ứng tuyển để tìm tài trợ, đầu tư cho PTN - Gia tăng số lượng bài báo của GV Trường thuộc danh mục Scopus qua hợp tác quốc tế	- nhân tạo tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo - Rà soát và đánh giá hiệu quả các chính sách về NCS - Triển khai đề án nếu được duyệt kinh phí đầu tư - Gia tăng số lượng bài báo của GV Trường thuộc danh mục Scopus qua hợp tác quốc tế
Kinh phí mục tiêu 2: 59.000 triệu đồng.	4.000 triệu đồng	9.000 triệu đồng	13.000 triệu đồng	15.000 triệu đồng	18.000 triệu đồng

NHÓM CHIẾN LƯỢC 3: GIA TĂNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC

MỤC TIÊU CHUNG:

- Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị nhà trường tinh gọn, hiệu quả và tạo nền tảng cho Trường phát triển.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Phát triển hệ thống quản lý thông minh.
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý tài chính hiệu quả.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức.
- Quản trị nhân lực hiệu quả.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Mục tiêu cụ thể 1: Phát triển hệ thống quản lý thông minh. Đơn vị chủ trì: Phòng Dữ liệu và Công nghệ thông tin Kết quả kỳ vọng: - 01 hệ thống quản trị đại học thông minh được xây dựng và triển khai tại Trường ĐHCNTT. - 01 hệ thống trang website mới được thiết kế chuyên nghiệp, thân thiện với người sử dụng.					
Các hoạt động:	- Khảo sát hiện trạng, xây dựng đề án “Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số tại ĐHQG-HCM theo định hướng phát triển đại học số”	- Xây dựng trung tâm điều hành chuyên đổi số. - Chuẩn hóa CSDL về đào tạo, SV, NCKH, nhân sự. - Thiết kế, xây dựng hệ thống website mới. - Xây dựng công cụ tổng hợp	- Tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu. - Xây dựng công cụ tổng hợp và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định.	- Xây dựng công cụ tổng hợp và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định.	- Đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
		và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định.			
Kinh phí mục tiêu 1: 112.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng	40.000 triệu đồng	40.000 triệu đồng	30.000 triệu đồng	1.000 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 2: Xây dựng hệ thống CNTT hỗ trợ quản lý tài chính hiệu quả. Đơn vị chủ trì: Phòng Dữ liệu và Công nghệ thông tin Kết quả kỳ vọng: Hệ thống quản lý tài chính giúp sinh viên, nhà quản lý có thông tin đầy đủ, chính xác về tình hình học phí, dòng tiền; giúp cán bộ viên chức theo dõi tình hình thu nhập; giảm bớt 80% bản giấy chứng từ.					
Các hoạt động:	- Khảo sát hiện trạng, xây dựng kế hoạch.	- Cập nhật chương trình quản lý học phí. - Cập nhật quản lý tài chính các hạng mục lương, thuế, quản lý thu nhập. - Hoàn thiện hệ thống quản lý dòng tiền	- Cập nhật qui trình thanh toán tài chính trong trường. - Cập nhật phần mềm quản lý chứng từ, thu nhập theo hướng giảm thiểu giấy tờ và cung cấp dịch vụ trực tuyến.	- Đánh giá, hoàn thiện các chức năng đã xây dựng.	- Tiếp tục đánh giá, hoàn thiện toàn bộ hệ thống
Kinh phí mục tiêu 2: 1.700 triệu đồng	100 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	100 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 3: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức. Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức – Hành chính					

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Kết quả kỳ vọng: - Các đơn vị hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ - 01 Khoa, 01 doanh nghiệp, 03 phòng và 01 Trung tâm mới - Hệ thống văn bản quản lý được đồng bộ với các quy định của pháp luật.					
Các hoạt động:	-Rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức Thành lập doanh nghiệp thuộc trường. - Thành lập PTN Kỹ thuật máy tính - Soạn thảo và trình ban hành các văn bản quản lý đồng bộ với các quy định pháp luật	- Thành lập khoa Cơ bản/Liên ngành - Thành lập phòng Truyền thông và hướng nghiệp - Soạn thảo và trình ban hành các văn bản quản lý đồng bộ với các quy định pháp luật	-Thành lập TT Nghiên cứu tiên tiến về CNTT& TT. - Soạn thảo và trình ban hành các văn bản quản lý đồng bộ với các quy định pháp luật	- Thành lập 01 phòng nghiên cứu phát triển hợp tác doanh nghiệp - Soạn thảo và trình ban hành các văn bản quản lý đồng bộ với các quy định pháp luật	Thành lập 01 phòng nghiên cứu phát triển hợp tác doanh nghiệp - Soạn thảo và trình ban hành các văn bản quản lý đồng bộ với các quy định pháp luật
Kinh phí mục tiêu 3: 700 triệu đồng	200 triệu đồng	200 triệu đồng	100 triệu đồng	100 triệu đồng	100 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 4: Quản trị nhân lực hiệu quả Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức Hành chính Kết quả kỳ vọng: - Chính sách lương, thưởng phù hợp với chính sách, điều kiện của nhà trường - Ban hành quy định mới về cơ chế lương thưởng - Chính sách lương, thưởng có tính công bằng dựa vào sự đóng góp cho nhà trường và có tính khuyến khích sự cống hiến cho sự phát triển của nhà trường; thu hút và giữ chân những người tài đối với nhà trường					

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Các hoạt động:	- Xây dựng Đề án đổi mới chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc. - Điều chỉnh đề án vị trí việc làm	- Rà soát và triển khai các đề án theo tình hình thực tế. - Xây dựng chính sách thi đua khen thưởng và Vinh danh CBCNV	- Rà soát và triển khai theo tình hình thực tế.	- Rà soát và triển khai theo tình hình thực tế.	- Rà soát và triển khai theo tình hình thực tế.
Kinh phí mục tiêu 4: 8.750 triệu đồng	100 triệu đồng	1.150 triệu đồng	1.500 triệu đồng	2.500 triệu đồng	3.500 triệu đồng

NHÓM CHIẾN LƯỢC 4: TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC

MỤC TIÊU CHUNG:

- Tăng cường nguồn nhân lực, củng cố cơ sở vật chất phục vụ dạy học và nghiên cứu, đáp ứng cho sự phát triển.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước.
- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý.
- Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển
- Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu.
- Đổi mới hoạt động cựu sinh viên.
- Phát triển thư viện điện tử

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
Mục tiêu cụ thể 1: Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước. Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức – Hành chính Kết quả kỳ vọng: - Có cơ chế thu hút và giữ chân các nhà khoa học trình độ cao - Phấn đấu gia tăng được ít nhất 20 TS trong 5 năm. - Số lượng CBCNV cơ hữu: 400; Số lượng CB giảng dạy, NC: 280. Số GS/PGS năm 2025: 12.					

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
- Tỷ lệ TS/ tổng GV cơ hữu đến năm 2025: 35% - Giảm dần số lượng nhân viên nghỉ việc vì lý do thu nhập và môi trường, mỗi năm giảm 10%					
Các hoạt động:	- Nghiên cứu xây dựng, triển khai các biện pháp, chính sách thu hút, giữ chân CBVC. - Tuyển dụng nhân lực có trình độ sau ĐH, chú trọng có trình độ TS - Xây dựng, củng cố và duy trì liên hệ và đa dạng hóa đóng góp cho sự phát triển Trường đối với các GV đang ở nước ngoài.	-Triển khai các biện pháp thu hút, giữ chân CBVC. - Tiếp tục tuyển dụng GV có trình độ sau ĐH - Tiếp tục củng cố và duy trì liên hệ và đa dạng hóa đóng góp cho sự phát triển Trường đối với các GV đang ở nước ngoài	- Đánh giá lại các biện pháp thu hút, giữ chân và điều chỉnh. - Tiếp tục tuyển dụng GV có trình độ sau ĐH - Tiếp tục củng cố và duy trì liên hệ và đa dạng hóa đóng góp cho sự phát triển Trường đối với các GV đang ở nước ngoài	- Triển khai các biện pháp thu hút, giữ chân CBVC. - Tiếp tục tuyển dụng GV có trình độ sau ĐH - Tiếp tục củng cố và duy trì liên hệ và đa dạng hóa đóng góp cho sự phát triển Trường đối với các GV đang ở nước ngoài	- Đánh giá lại các biện pháp thu hút, giữ chân và điều chỉnh. - Tiếp tục tuyển dụng GV có trình độ sau ĐH
Kinh phí mục tiêu 1: 5.700 triệu đồng	700 triệu đồng	1.000 triệu đồng	1.500 triệu đồng	1.500 triệu đồng	1.000 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 2: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức – Hành chính Kết quả kỳ vọng: - Trình độ, năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý được nâng lên đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ. - 02 khóa bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng/năm.					
Các hoạt động	- Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo	- Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo	- Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo	- Gửi cán bộ tham gia các lớp Trung	- Cử giảng viên tham gia các khóa đào tạo

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	- Bồi dưỡng về kỹ năng văn phòng cho chuyên viên	- Bồi dưỡng phương pháp sư phạm cho giảng viên	- Bồi dưỡng về kiến thức pháp luật cho đội ngũ viên chức và người lao động	cấp, Cao cấp lý luận chính trị; - Bồi dưỡng kiến thức về An ninh quốc phòng	tiến sĩ, thạc sĩ nâng cao trình độ. - Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo
Kinh phí mục tiêu 2: 1.400 triệu đồng	300 triệu đồng	300 triệu đồng	300 triệu đồng	200 triệu đồng	300 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 3: Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển Đơn vị chủ trì: Phòng Quản trị thiết bị Kết quả kỳ vọng: - Môi trường học tập hiện đại với các phòng học mới. - Nâng cấp hệ thống điện nhà B, lắp toàn bộ máy lạnh cho các phòng học nhà B. - Hình thành các khu tự học hiện đại cho sinh viên. - Cải tạo khu sinh hoạt Đoàn Thanh niên. - Hoàn thiện hệ thống tưới nước tự động trong khuôn viên trường. - Nâng cấp, hoàn thiện phòng sản xuất học liệu số. - Đưa vào sử dụng tòa nhà CNTT.B5					
Các hoạt động:	- Lập dự toán, thiết kế, xây dựng cải tạo các phòng học khu C thành phòng học hiện đại (giai đoạn 1). - Lập dự toán, thi công nâng cấp hệ thống điện nhà B.	- Cải tạo các phòng học khu C (giai đoạn 2). - Cải tạo hành lang các phòng học trên. - Cải tạo khu tự học tại nhà A: Thư viện.	- Cải tạo khu tự học tại nhà C. - Xây dựng hệ thống tưới tự động khu B. - Xây dựng Hệ thống xử lý thải Sinh hoạt khu A.	- Lắp hệ thống máy lạnh cho các phòng học nhà B tầng 3 đến tầng 5. - Cải tạo khu nhà Đoàn Thanh niên:	- Lắp máy lạnh cho các phòng học nhà B tầng 6 đến tầng 9. - Xây dựng Hệ thống xử lý thải Sinh hoạt khu E.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	- Cải tạo toilet khối nhà C. - Xây dựng Hệ thống xử lý thải Sinh hoạt khu C - Lắp đặt hệ thống máy lạnh cho tầng 1 và 2 nhà B. - Chuẩn bị đầu tư và thi công nhà CNTT.B5 - Triển khai đầu tư PTN ASIC và hệ thống nhúng tích hợp	- Xây dựng hệ thống tưới tự động khu A. - Nâng cấp phòng sản xuất học liệu số. - Thi công nhà CNTT.B5 - Triển khai đầu tư PTN ASIC và hệ thống nhúng tích hợp	-Xây dựng tiểu cảnh khu C. - Nâng cấp phòng sản xuất học liệu số. - Thi công nhà CNTT.B5 - Xây dựng hành lang giữa các nhà	- xây dựng, - Xây dựng Hệ thống xử lý thải Sinh hoạt khu B. - Xây dựng hệ thống tưới tự động khu B. - Hoàn công và đưa vào sử dụng nhà CNTT.B5	- Xây dựng hệ thống tưới tự động khu E. - Xây dựng hệ thống tưới tự động khu nhà phục vụ sinh viên.
Kinh phí mục tiêu 3: 280.000 triệu đồng	48.000 triệu đồng	62.000 triệu đồng	50.000 triệu đồng	70.000 triệu đồng	50.000 triệu đồng

Mục tiêu cụ thể 4: Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế.

Đơn vị chủ trì: Phòng Quan hệ đối ngoại

Kết quả kỳ vọng:

- 01 chương trình đào tạo liên kết quốc tế được mở mới.
- 01 quy trình gửi SV trao đổi sinh viên quốc tế.
- 01 quy trình tiếp nhận SV trao đổi sinh viên quốc tế.
- Gửi 05 SV/HVCH tham gia chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài.
- Tiếp nhận 05 SV/HVCH quốc tế đến học, giao lưu tại Trường.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
- 02 hoạt động trao đổi kinh nghiệm quốc tế về quản trị đại học. - 01 sự kiện hoặc dự án hợp tác quốc tế. - 01 đối tác chiến lược.					
Các hoạt động	- Tìm kiếm và gặp gỡ đối tác (online và offline) phù hợp với mục tiêu Chương trình hành động. - Rà soát MOU (hàng năm): kiểm tra tiến độ hợp tác của các Khoa và lựa chọn đối tác phù hợp, có khả năng hợp tác CTLK QT. - Xác định đối tác chiến lược (ĐTCL) theo mục tiêu của Trường:	- Thảo luận các phương hướng hợp tác nhằm dạng hóa các chương trình liên kết 2+2, 4+0 v.v... - Xây dựng quy trình tiếp nhận SV quốc tế, quy trình gửi SV tham gia các chương trình trao đổi quốc tế. - Xây dựng kế hoạch hoạt động hợp tác với ĐTCL.	- Thảo luận xây dựng đề án CTLK QT - Hỗ trợ xây dựng và hiện thực hóa các hợp tác dưới dạng phòng nghiên cứu phát triển hoặc phương án tài trợ cho hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học. - Gửi và tiếp nhận SV/HVCH tham gia chương trình trao đổi quốc tế	- Xây dựng đề án CTLK QT. - Triển khai các chương trình hợp tác ĐTCL. - Gửi và tiếp nhận SV/HVCH tham gia chương trình trao đổi quốc tế	- Theo dõi tình hình triển khai đề án CTLK QT. - Gửi và tiếp nhận SV/HVCH tham gia chương trình trao đổi quốc tế
Kinh phí mục tiêu 4: 1.050 triệu đồng	50 triệu đồng	100 triệu đồng	300 triệu đồng	300 triệu đồng	300 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 5: Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu Đơn vị chủ trì: Phòng Quan hệ đối ngoại Kết quả kỳ vọng: - 01 quy định về hoạt động hợp tác doanh nghiệp. - 01 video clip quảng bá - Bộ sản phẩm truyền thông.					

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
– Chương trình truyền thông đa dạng					
Các hoạt động	- Lên kế hoạch thực hiện video clip quảng bá. - Phối hợp với P. SĐH-KHCN để quảng bá các ứng dụng CNTT - Sử dụng hiệu quả công nghệ để nâng cao chất lượng truyền thông, quảng bá.	- Xây dựng quy định về hợp tác doanh nghiệp nước ngoài. - Thực hiện video clip quảng bá. - Rà soát và xây dựng bộ sản phẩm truyền thông - Sử dụng hiệu quả công nghệ để nâng cao chất lượng truyền thông, quảng bá.	- Rà soát, điều chỉnh video clip quảng bá - Triển khai quảng bá qua nhiều kênh thông tin và loại hình. - Phối hợp với P. SĐH-KHCN để quảng bá các ứng dụng CNTT - Sử dụng hiệu quả công nghệ để nâng cao chất lượng truyền thông, quảng bá.	- Rà soát, điều chỉnh video clip quảng bá - Sử dụng hiệu quả công nghệ để nâng cao chất lượng truyền thông, quảng bá.	- Phối hợp với P. KHCN để quảng bá các ứng dụng CNTT - Sử dụng hiệu quả công nghệ để nâng cao chất lượng truyền thông, quảng bá.
Kinh phí mục tiêu 5: 2.100 triệu đồng	100 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng	500 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 6: Đổi mới hoạt động cựu sinh viên. Đơn vị chủ trì: Phòng CTSV Kết quả kỳ vọng: – Duy trì, phát triển mạng lưới các hoạt động với doanh nghiệp và cựu sinh viên; – Hỗ trợ tích cực cho Sinh viên thông qua mạng lưới doanh nghiệp và cựu sinh viên – Trung bình 1,5 tỷ đồng tiền tài trợ và 500 triệu đồng cho SV vay vốn/năm.					
Các hoạt động	- Thu thập thông tin, rà soát hoạt động kết nối cựu sinh	- Xây dựng mô hình kế hoạch thu hút tài trợ.	- Triển khai hoạt động tôn vinh cựu SV	- Phát triển hoạt động kết nối, tri ân,	- Tổ chức gặp gỡ cựu SV.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	viên, doanh nghiệp. - Đẩy mạnh hoạt động ban liên lạc cựu SV	- Tiếp tục duy trì, phát triển mạng lưới quan hệ doanh nghiệp của khoa, trường. - Sáng lọc DL về cựu SV, doanh nghiệp thành đạt và đánh giá tiềm năng hỗ trợ. - Xây dựng, Triển khai quỹ học bổng, quỹ cho vay.	- Triển khai họp mặt định kỳ - Tiếp tục duy trì, phát triển mạng lưới quan hệ doanh nghiệp của khoa, trường. - Triển khai quỹ học bổng, quỹ cho vay.	tôn vinh cựu SV. - Tiếp tục duy trì, phát triển mạng lưới quan hệ doanh nghiệp của khoa, trường. - Triển khai quỹ học bổng, quỹ cho vay.	- Triển khai quỹ học bổng, quỹ cho vay. - Đánh giá tổng thể các hoạt động.
Kinh phí mục tiêu 6: 2.000 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 7: Phát triển thư viện điện tử Đơn vị chủ trì: Thư viện Kết quả kỳ vọng: - Nguồn tư liệu điện tử nội sinh và liên kết đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu. - Một không gian hỗ trợ để sinh viên, cán bộ tự học, nghiên cứu, tự nâng cao trình độ. - Dịch vụ thư viện chất lượng và thân thiện hỗ trợ sinh viên, cán bộ trong học tập và nghiên cứu.					
Các hoạt động	- Phát triển nguồn tư liệu nội sinh (giáo trình tự biên soạn/biên dịch, tài liệu tham khảo, ...). - Khai thác nguồn tư liệu liên thông, liên kết trong Hệ	- Phát triển nguồn tài liệu nội sinh và bổ sung các nguồn tài liệu khác. - Xây dựng hệ thống các dịch vụ Thư viện. - Duy trì, phát triển công	- Phát triển nguồn tài liệu nội sinh và bổ sung các nguồn tài liệu khác. - Duy trì, phát triển công tác liên kết thư viện trong và ngoài ĐHQG-HCM.	- Phát triển nguồn tài liệu nội sinh và bổ sung các nguồn tài liệu khác. - Duy trì, phát triển công tác liên kết	- Phát triển nguồn tài liệu nội sinh và bổ sung các nguồn tài liệu khác. - Duy trì, phát triển công tác liên kết thư

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
	thống thư viện ĐHQG-HCM và các thư viện ngoài khác. - Tổ chức các hoạt động, sự kiện phù hợp nhằm quảng bá “Văn hóa đọc” trong sinh viên, cán bộ (tập huấn sử dụng thư viện, thi tìm hiểu thư viện, Luật thư viện, ...).	tác liên kết, liên thông thư viện trong và ngoài ĐHQG-HCM. - Duy trì tổ chức các hoạt động, sự kiện phù hợp nhằm quảng bá “Văn hóa đọc” trong sinh viên, cán bộ.	- Duy trì tổ chức các hoạt động, sự kiện phù hợp nhằm quảng bá “Văn hóa đọc” trong sinh viên, cán bộ.	thư viện trong và ngoài ĐHQG-HCM. - Duy trì tổ chức các hoạt động, sự kiện phù hợp nhằm quảng bá “Văn hóa đọc” trong sinh viên, cán bộ.	viện trong và ngoài ĐHQG-HCM. - Duy trì tổ chức các hoạt động, sự kiện phù hợp nhằm quảng bá “Văn hóa đọc” trong sinh viên, cán bộ.
Kinh phí mục tiêu 7: 1.500 triệu đồng	400 triệu đồng	400 triệu đồng	300 triệu đồng	200 triệu đồng	200 triệu đồng
Mục tiêu cụ thể 8: <i>Phát triển nguồn lực tài chính</i> Đơn vị chủ trì: Phòng Kế hoạch Tài chính Kết quả kỳ vọng: - Mỗi năm gia tăng nguồn thu 15% theo tiến trình tự chủ tài chính đến năm 2024, đến năm 2025 nguồn thu dần ổn định và bền vững. - Cơ chế chính sách khuyến khích các đơn vị, cá nhân tìm kiếm, gia tăng tỷ trọng nguồn thu ngoài đào tạo (đào tạo ngắn hạn, tài trợ, dịch vụ tư vấn, nghiên cứu khoa học, đầu tư...).					
Các hoạt động	- Gia tăng số chương trình đào tạo liên kết quốc tế. - Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả phát triển nguồn thu của các đơn vị.	- Gia tăng số chương trình đào tạo liên kết quốc tế. - Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các đơn vị, cá nhân tìm kiếm,	- Gia tăng số chương trình đào tạo liên kết quốc tế. - Hoàn thiện cơ chế phối hợp tìm kiếm nguồn thu của các đơn vị	- Gia tăng số chương trình đào tạo liên kết quốc tế. - Áp dụng đề án khuyến khích tăng	- Áp dụng đề án khuyến khích tăng thu. Cơ chế phối hợp tìm kiếm nguồn thu.

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025
		gia tăng tỷ trọng nguồn thu ngoài đào tạo (ĐT ngắn hạn, tài trợ, dịch vụ tư vấn, NCKH, đầu tư).		thu. Cơ chế phối hợp tìm kiếm nguồn thu.	
Kinh phí mục tiêu 8: 550 triệu đồng	100 triệu đồng	200 triệu đồng	100 triệu đồng	100 triệu đồng	50 triệu đồng

PHỤ LỤC 4: DỰ TRÙ TÀI CHÍNH KHCL 2021-2025

I. Kinh phí triển khai các chương trình thuộc nhóm chiến lược 1

ĐVT: triệu đồng

Mục tiêu cụ thể	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1. Đột phá chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến.	3.000	5.000	5.000	5.000	1.000	19.000
2. Phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học.	1.000	3.000	3.000	3.000	300	10.300
3. Gia tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.	500	2.000	2.000	2.000	1.000	7.500
4. Kiểm định giáo dục theo chuẩn quốc tế.	600	1.000	1.000	1.000	1.000	4.600
5. Phát triển kỹ năng, rèn luyện thái độ của SV.	200	400	400	400	100	1.500
6. Nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất của SV.	500	1.500	500	500	250	3.250
7. Hỗ trợ học tập và hoạt động cộng đồng của SV	200	500	500	500	150	1.850
Tổng kinh phí nhóm CL 1	6.000	13.400	12.400	12.400	3.800	48.000

II. Kinh phí triển khai các chương trình thuộc nhóm chiến lược 2

ĐVT: triệu đồng

Mục tiêu cụ thể	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1. Phát triển nghiên cứu ứng dụng và sản phẩm công nghệ, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyển đổi số, đô thị thông minh	700	1.000	1.500	1.000	1.100	5.300
2. Phát triển tiềm lực KHCN trên cơ sở đầu tư các nhóm nghiên cứu và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế.	4.000	9.000	13.000	15.000	18.000	59.000
Tổng kinh phí nhóm CL 2	4.700	10.000	14.500	16.000	19.100	64.300

III. Kinh phí triển khai các chương trình thuộc nhóm chiến lược 3

ĐVT: triệu đồng

Mục tiêu cụ thể	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1. Phát triển hệ thống quản lý thông minh.	1.000	40.000	40.000	30.000	1.000	112.000
2. Xây dựng hệ thống CNTT hỗ trợ quản lý tài chính hiệu quả.	100	500	500	500	100	1.700
3. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức.	200	200	100	100	100	700
4. Quản trị nhân lực hiệu quả.	100	1.150	1.500	2.500	3.500	8.750
Tổng kinh phí nhóm CL 3	1.350	41.850	42.100	33.100	4.700	123.100

IV. Kinh phí triển khai các chương trình thuộc nhóm chiến lược 4

ĐVT: triệu đồng

Mục tiêu cụ thể	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1. Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước.	700	1.000	1.500	1.500	1.000	5.700
2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý.	300	300	300	200	300	1.400
3. Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng sự phát triển	48.000	62.000	50.000	70.000	50.000	280.000
4. Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế.	50	100	300	300	300	1.050
5. Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu	100	500	500	500	500	2.100
6. Đổi mới hoạt động cựu SV.	400	400	400	400	400	2.000
7. Phát triển thư viện điện tử.	400	400	300	200	200	1.500
8. Phát triển nguồn lực tài chính	100	200	100	100	50	550
Tổng kinh phí nhóm CL 4	50.050	64.900	53.300	73.200	52.750	294.300

V. Tổng hợp kinh phí cho KHCL phát triển Trường giai đoạn 2021-2025.

ĐVT: triệu đồng

Nhóm chiến lược	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng	Tỷ lệ
1. Nâng cao chất lượng đào tạo	6.000	13.400	12.400	12.400	3.800	48.000	9,06%
2. Phát triển Khoa học – Công nghệ	4.700	10.000	14.500	16.000	19.100	64.300	12,14%
3. Gia tăng hiệu quả quản trị đại học	1.400	41.850	42.100	33.100	4.700	123.150	23,25%
4. Tăng cường nguồn lực	50.050	64.900	53.300	73.200	52.750	294.300	55,55%
Tổng kinh phí cho KHCL phát triển Trường	62.150	130.150	122.400	134.700	80.050	529.750	100%
<i>Kinh phí đầu tư từ vốn NSNN</i>	<i>31.000</i>	<i>84.000</i>	<i>65.000</i>	<i>65.000</i>		<i>245.000</i>	<i>46,25%</i>
<i>Kinh phí từ nguồn học phí</i>	<i>30.150</i>	<i>44.750</i>	<i>55.800</i>	<i>68.000</i>	<i>78.550</i>	<i>277.550</i>	<i>52,34%</i>
<i>Kinh phí từ nguồn tài trợ</i>	<i>1000</i>	<i>1400</i>	<i>1600</i>	<i>1700</i>	<i>1800</i>	<i>7500</i>	<i>1,41%</i>

Tổng kinh phí để triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 là **529.750 triệu đồng** (Năm trăm hai mươi chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng). Nguồn vốn cho tổng kinh phí này dự kiến như sau:

Kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước: 245.000 triệu đồng chiếm 46,25%.

Kinh phí từ nguồn học phí: 277.550 triệu đồng chiếm 52,34%

Kinh phí từ nguồn tài trợ: 7.500 triệu đồng chiếm 1,41%